

CÁC NƯỚC TƯ BẢN SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945-2000) MỸ TÂY ÂU NHẬT BẢN

Mức độ 1: Nhận biết

Câu 1: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, một trong những thành tựu mà Mỹ đạt được trong lĩnh vực kinh tế là gì?

- A. Chiếm hơn 45% tổng sản phẩm kinh tế thế giới
- B. Chiếm 2/3 dự trữ vàng của thế giới
- C. Sản lượng nông nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng nông nghiệp thế giới
- D. Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới

Câu 2: Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc (1989) và trật tự thế giới hai cực Ianta sụp đổ (1991) chính sách đối ngoại của Mỹ là

- A. Thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mỹ là siêu cường duy nhất lãnh đạo
- B. Từ bỏ tham vọng làm bá chủ thế giới, chuyển sang chiến lược chống khủng bố C.
Tiếp tục thực hiện chính sách ngăn chặn, xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới
- D. Ủng hộ trật tự đa cực, nhiều trung tâm đang hình thành trên thế giới.

Câu 3: Từ năm 1983 đến năm 1991, kinh tế Mỹ có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Phục hồi và phát triển trở lại.
- B. Phát triển không ổn định.
- C. Phát triển nhanh chóng.
- D. Khủng hoảng suy thoái

Câu 4: Sau Chiến tranh thế giới thứ II, chính sách đối ngoại của Mỹ thể hiện tham vọng

- A. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mỹ ở châu Mỹ.
- B. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mỹ ở Mỹ Latinh, châu Á – Thái Bình Dương.
- C. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mỹ ở trên khắp toàn cầu.
- D. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mỹ ở châu Âu

Câu 5: Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ vào thời gian

- A. Tháng 7/1973
- B. Tháng 12/1989
- C. Tháng 7/1995
- D. Tháng 7/1997

Câu 6: Trong khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ giữ vai trò như thế nào trên trường quốc tế?

- A. Trung tâm công nghiệp của thế giới. B.
Trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.
- C. Trung tâm nông nghiệp của thế giới.
- D. Trung tâm kinh tế của thế giới.

Câu 7: Sự kiện nào diễn ra ngày 11/09/2001 khiến Mỹ phải thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại khi bước vào thế kỉ XXI?

- A. sự xuất hiện và hoạt động của chủ nghĩa khủng bố
- B. chiến tranh và xung đột diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới
- C. nguy cơ cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên
- D. tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng

Câu 8: Sau chiến tranh lạnh, các nước Tây Âu đã điều chỉnh chính sách đối ngoại như thế nào

- A. Trở thành đối trọng với Mỹ
- B. Liên minh chặt chẽ với Mỹ
- C. Liên minh với Liên Bang Nga
- D. Mở rộng hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 9: Cộng đồng châu Âu (EC) là sự hợp nhất của các tổ chức nào

- A. Cộng đồng than – thép Châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Hội đồng tương trợ kinh tế châu Âu
- B. Cộng đồng than – thép Châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế Châu Âu
- C. Hội đồng tương trợ kinh tế châu Âu và Cộng đồng kinh tế Châu Âu
- D. Hội đồng tương trợ kinh tế châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế Châu Âu

Câu 10: Mục tiêu của liên minh châu Âu EU là

- A. hợp tác liên minh trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ
- B. hợp tác liên minh trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại
- C. hợp tác liên minh trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, an ninh chung
- D. hợp tác liên minh trong lĩnh vực kinh tế, quân sự

Câu 11: Tổ chức nào ra đời ở Châu Âu năm 1951

- A. Cộng đồng năng lượng và nguyên tử Châu Âu
- B. Cộng đồng Châu Âu
- C. Cộng đồng kinh tế Châu Âu
- D. Cộng đồng than – thép Châu Âu

Câu 12: Tổ chức liên kết kinh tế– chính trị lớn nhất thế giới hiện nay là

- A. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ.
- B. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.
- C. Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
- D. Liên minh Châu Âu.

Câu 13: EEC là viết tắt theo tiếng Anh của

- A. Liên minh Châu Âu
- B. Cộng đồng kinh tế Châu Âu
- C. Nghị viện Châu Âu
- D. Diễn đàn kinh tế Châu Âu.

Câu 14: Các thành viên đầu tiên của Liên minh châu Âu (EU) gồm có

- A. Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan.
- B. Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha.
- C. Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Luc-xem-bua.
- D. Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha

Câu 15: Một trong những mục tiêu của Mỹ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.
- B. Khống chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.
- C. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.
- D. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mỹ trên toàn cầu.

Câu 16: Khoa học – kĩ thuật và công nghệ của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai tập trung vào nghiên cứu lĩnh vực

- A. Công nghiệp năng lượng
- B. Công nghiệp dân dụng
- C. Công nghiệp quốc phòng
- D. Công nghiệp vũ trụ.

Câu 17: Giai đoạn được xem là phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản là

- A. Từ năm 1960 đến năm 1969
- B. Từ năm 1960 đến năm 1973
- C. Từ năm 1969 đến năm 1973
- D. Từ năm 1952 đến năm 1969.

Câu 18: Học thuyết nào áp dụng từ năm 1991 đánh dấu Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu?

- A. 1978, hiệp ước hòa bình và hữu nghị Trung – Nhật
- B. 1991, học thuyết Kai – phu.
- C. Học thuyết Hasimoto (1/1997)
- D. 4/1996, hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật kéo dài vĩnh viễn.

Câu 19: Từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực ra sao để tương ứng với vị trí siêu cường kinh tế?

- A. Nỗ lực trở thành một cường quốc chính trị
- B. Vươn lên trở thành một cường quốc quân sự
- C. Vận động trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo An Liên hợp quốc
- D. Đẩy mạnh chính sách ngoại giao và viện trợ cho các nước

Câu 20: Từ những năm 70 của thế kỉ XX nền kinh tế Nhật Bản giữ vị trí

- A. Trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới
- B. Là trung tâm hợp tác kinh tế, tài chính của thế giới
- C. Một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới
- D. Đứng thứ 2 thế giới.

Câu 21: Một thỏa thuận của hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật (8–9–1951) là

- A. Mỹ không được đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản
- B. Mỹ viện trợ quân sự Nhật
- C. Mỹ phải rút toàn quân đội khỏi lãnh thổ Nhật Bản
- D. Mỹ được đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản

Câu 22: Nét đặc sắc của văn hóa Nhật Bản thể hiện rõ nhất là

- A. tiếp thu có chọn lọc Cộng hoà từ bên ngoài vào
- B. gìn giữ những giá trị bản sắc văn hoá truyền thống
- C. kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại

D. con người Nhật Bản luôn gần gũi, thân thiện với thiên nhiên

Câu 23: Mỹ đã làm gì để thực hiện “Chiến lược toàn cầu” trong những năm 1945 – 1973 ?

A. Tạo áp lực quân sự, buộc các nước tư bản sau chiến tranh phải phục tùng Mỹ.

B. Cùng với Anh, Pháp chiến đấu bảo vệ hệ thống thuộc địa cũ trên thế giới.

C. Kêu gọi các nước tư bản Đồng minh thiết lập nền thống trị của chủ nghĩa thực dân mới ở các nước thế giới thứ ba.

D. Phát động các nước Tư bản chủ nghĩa tiến hành cuộc “Chiến tranh lạnh”, gây ra các cuộc chiến tranh cục bộ, can thiệp vào nội bộ nhiều nước

Câu 24: Lực lượng thực hiện cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong những năm 1945–1952 là

A. Chính phủ Nhật Bản

B. Thiên Hoàng

C. Nghị viện Nhật Bản

D. Bộ chỉ huy tối cao lực lượng quân đồng minh

Câu 25: Hiệp ước nào dưới đây đã chấm dứt chế độ chiếm đóng của đồng minh ở Nhật Bản

A. Hiệp ước hoà bình XanPhranxico

B. Hiệp ước Bali

C. Hiệp ước Matrich

D. Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật

Câu 26: Hạn chế và khó khăn của nền kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn 1952–1973 là

A. trang thiết bị cũ kĩ, lạc hậu.

B. dân số đang già hóa.

C. lãnh thổ không lớn, dân số đông và thường xuyên bị thiên tai, tài nguyên khoáng sản nghèo.

D. tình hình chính trị thiếu ổn định.

Câu 27: Tình hình kinh tế Mỹ trong thập niên 80 của thế kỉ XX là

A. Kinh tế Mỹ tiếp, tục suy giảm so với thập niên 70.

B. Kinh tế Mỹ đã được Phục hồi và phát triển với tốc độ cao hơn bao giờ hết.

C. Dù vẫn có những đợt suy thoái ngắn nhưng nền kinh tế Mỹ vẫn chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế toàn cầu.

D. Kinh tế Mỹ đã phục hồi và phát triển trở lại, nhưng tỉ trọng của kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới đã giảm sút nhiều.

Câu 28: Chiêu bài mà Mỹ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác được đề ra trong chiến lược toàn cầu "Cam kết và mở rộng" là gì ?

A. Tự do tín ngưỡng.

B. Ủng hộ độc lập dân tộc.

C. Thúc đẩy dân chủ.

D. Chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 29: Ngày 11/9/2001 diễn ra sự kiện gì trong lịch sử nước Mỹ ?

A. Tổng thống Bush (cha) bị ám sát.

B. Ngày mở đầu của cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ lớn nhất trong lịch sử.

C. Quốc hội Mỹ thông qua nghị quyết xây dựng hệ thống là chặn tên lửa NMD bảo vệ nước Mỹ trước các cuộc tấn công từ xa.

D. Toà tháp đôi ở Mĩ bị sụp đổ do bị các phần tử khủng bố tổ chức tấn công bằng máy bay.

Câu 30: Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học– kĩ thuật lần thứ hai?

- A.** Anh **B.** Pháp **C.** Mĩ **D.** Nhật

Câu 31: Thành công của Tây Âu sau 5 năm khôi phục kinh tế – xã hội 1945 – 1950 là ?

- A.** Xóa bỏ được tình trạng nhập siêu.
B. Khai thác được nguồn nguyên vật liệu, nhân công rẻ của các nước thế giới thứ ba.
C. Cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối kinh tế Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
D. Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế thế giới.

Câu 32: Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản có biểu hiện như thế nào?

- A.** tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.
B. bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.
C. lâm vào tình trạng suy thoái .
D. là nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 33: Những thành tựu chủ yếu về khoa học – kĩ thuật hiện đại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A.** Chế tạo công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.
B. thực hiện cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.
C. chinh phục vũ trụ, đưa người lên mặt trăng.
D. sản xuất được những vũ khí hiện đại.

Câu 34: Từ thập kỉ 9 trở đi, Mĩ chi phối hầu hết các tổ chức kinh tế – tài chính quốc tế như **A.** Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng thế giới (WB).

- B.** Liên hợp quốc (UN), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Liên hợp quốc (UN), Tổ chức thương mại thế giới (WTO).
D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), Ngân hàng thế giới (WB). **Câu 35:** Sau Chiến tranh lạnh Mĩ có âm mưu gì?

- A.** Chuẩn bị đề ra chiến lược mới để tạo sức ảnh hưởng trên thế giới.
B. Vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới.
C. Dùng sức mạnh kinh tế thao túng mọi hoạt động khác.
D. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình.

Câu 36: Sau thất bại ở Việt Nam năm 1975, các chính quyền Mĩ **A.** vẫn tiếp tục “Chiến lược toàn cầu” và theo đuổi Chiến tranh lạnh.

- B.** từ bỏ “Chiến lược toàn cầu”.
C. chỉ theo đuổi Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.
D. từ bỏ Chiến tranh lạnh.

Câu 37: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước

- A.** bị thiệt hại nặng nề.

B. thu nhiều lợi nhuận nhất.

C. không bị thiệt hại, cũng không thu được lợi nhuận gì.

D. cân bằng trạng thái trước chiến tranh.

Câu 38: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là nước khởi đầu cho cuộc cách mạng nào? **A.**

Cách mạng nông nghiệp.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại.

D. Cách mạng công nghệ thông tin.

Câu 39: Từ nửa sau những năm 80 của thế kỷ XX, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới với

A. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 4 lần Mỹ, gấp 2 lần của Cộng hòa Liên bang Đức.

B. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 3 lần của Cộng hòa Liên bang Đức.

C. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần của Cộng hòa Liên bang Đức.

D. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 5 lần Mỹ, gấp 1,5 lần của Cộng hòa Liên bang Đức.

Câu 40: Tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì nổi bật?

A. Nhật Bản phải chịu những hậu quả hết sức nặng nề.

B. Kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng.

C. Nhân dân Nhật Bản nổi dậy nhiều nơi.

D. Các đảng phái tranh giành quyền lực lẫn nhau.

Câu 41: Để đẩy mạnh sự phát triển của đất nước, Nhật Bản rất coi trọng yếu tố nào?

A. Giáo dục và khoa học – kỹ thuật

B. Đầu tư ra nước ngoài.

C. Bán các bằng phát minh, sáng chế.

D. Hút vốn đầu tư của nước ngoài.

Câu 42: Học thuyết Fukuda (1977) chủ trương củng cố mối quan hệ của Nhật Bản với các nước ở khu vực nào?

A. Đông Nam Á.

B. Mỹ Latinh.

C. Tây Âu.

D. Châu Á.

Câu 43: Thách thức đối với nền công nghiệp của Nhật Bản trong giai đoạn 1952 – 1973 là

A. điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.

B. cơ cấu vùng kinh tế thiếu cân đối.

C. phụ thuộc vào nhiên liệu, nguyên liệu nhập khẩu.

D. sự cạnh tranh quyết liệt từ Mỹ và Tây Âu

Câu 44: Năm 1996, khi bàn về Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật, hai nước Mỹ và Nhật Bản đã cam kết

A. Chấm dứt hiệu lực của Hiệp ước.

B. Hiệp ước được gia hạn thêm 10 năm.

C. Hiệp ước được gia hạn thêm 20 năm.

D. Hiệp ước được kéo dài vĩnh viễn. **Câu**

45: Ý nào sau đây thuộc thành tựu trong lĩnh vực Khoa học – kỹ thuật của Nhật Bản giai đoạn từ năm 1991 đến nay?

A. Nhật Bản đã phóng 49 vệ tinh khác nhau và hợp tác có hiệu quả với Mỹ và Liên Xô trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

B. Nhật Bản đã mua bằng sáng chế phát minh của nước ngoài lên đến 6 tỉ USD **C.**

Nhật Bản xây dựng được cầu đường bộ dài 9,4 km nối hai đảo Hôn su và Sicôcư.

D. Nhật Bản đóng được con tàu có trọng tải 1 triệu tấn.

Câu 46: Năm 1956, ở Nhật Bản đã diễn ra sự kiện ngoại giao quan trọng nào?

A. Nhật Bản bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

B. Nhật Bản kí với Mỹ Hiệp ước Hòa bình Xan Phranxixco.

C. Nhật Bản kí với Mỹ Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật.

D. Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại gia với Trung Quốc

Câu 47: Trong thời kì 1952 –1973, kinh tế Nhật Bản phát triển do tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài nào?

A. Nguồn viện trợ của Mỹ và Liên Xô.

B. Bán vũ khí và phương tiện chiến tranh cho phe tham chiến.

C. Nguồn viện trợ của Mỹ, các cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam.

D. Con người Nhật Bản chăm chỉ và cần cù.

Câu 48: Từ năm 1952 đến năm 1973, tình trạng mất cân đối của kinh tế Nhật Bản được biểu hiện như thế nào?

A. Kinh tế chủ yếu phát triển ở ba trung tâm là Tôkiô, Ôxaca và Nagôia, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

B. Chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội.

C. Chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ và Tây Âu.

D. Tồn tại tình trạng phân biệt giàu nghèo, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Câu 49: Cơ cấu tổ chức của Liên minh châu Âu (EU) bao gồm các cơ quan chính là

A. Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Ban thư kí.

B. Hội đồng bảo an, Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu

C. Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Tòa án châu Âu.

D. Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Đại hội đồng.

Câu 50: Quá trình “nhất thể hóa” Tây Âu trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu gặp nhiều trở ngại trong giai đoạn

A. Từ năm 1945 đến 1952.

B. Từ năm 1952 đến năm 1973.

C. Từ năm 1973 đến năm 1991.

D. Từ năm 1991 đến năm 2000.

Câu 51: Sự kiện lịch sử nào diễn ra làm cho tình hình căng thẳng ở Tây Âu có phần dịu đi?

A. Tháng 11–1972, kí kết Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức.

B. Tháng 11–1989, bức tường Beclin được phá bỏ.

C. Năm 1975, Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu được kí kết.

D. Tháng 12–1989, Chiến tranh lạnh chính thức chấm dứt.

Câu 52: Trong giai đoạn 1950 – 1973, nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì

- A.** “phi thực dân hóa” trên toàn thế giới.
- B.** hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân bị sụp đổ về cơ bản.
- C.** hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân bị sụp đổ hoàn toàn.
- D.** suy thoái của nền kinh tế và chính trị của các nước Tây Âu.

Câu 53: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế Tây Âu được thể hiện ở việc

- A.** biết tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.
- B.** tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ từ các nước thuộc thế giới thứ ba.
- C.** quản lí, điều tiết và thúc đẩy nền kinh tế phát triển.
- D.** đưa ra những chính sách phát triển có hiệu quả.

Câu 54: Từ năm 1950, các nước Tây Âu đã biết áp dụng những thành tựu của cách mạng Khoa học – kĩ thuật hiện đại để

- A.** tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
- B.** thay đổi hợp lí cơ cấu sản xuất trong nền kinh tế.
- C.** tăng năng suất lao động của ngành công nghiệp.
- D.** điều tiết và thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Câu 55: Khoa học – kĩ thuật của Mỹ từ năm 1991 đến năm 2000 rất phát triển với biểu hiện là

- A.** Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B.** Đưa người bay lên Mặt Trăng.
- C.** Hoàn thành cuộc “Cách mạng chất xám”.
- D.** Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới.

Câu 56: Trong xu thế đối thoại và hòa hoãn từ ngày càng chiếm ưu thế từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX, Mỹ và Liên Xô đã

- A.** chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- B.** tăng cường chạy đua vũ trang với nhau.
- C.** chuyển từ quan hệ đồng minh sang đối đầu
- D.** kí những hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược.

Câu 57: Học thuyết nào thể hiện Mỹ vẫn tăng cường chạy đua vũ trang sau thất bại ở chiến trường Việt Nam?

- A.** Học thuyết Níchxơn
- B.** Học thuyết Rìgân.
- C.** Học thuyết “ngăn chặn”.
- D.** Học thuyết “tiến công”.

Câu 58: Mỹ thực hiện chính sách hòa hoãn với hai nước lớn là Liên Xô và Trung Quốc nhằm mục đích

- A.** chống lại phong trào đấu tranh cách mạng của các dân tộc
- B.** có điều kiện để tập trung phát triển kinh tế.
- C.** củng cố nền hòa bình thế giới.

D. giúp đỡ các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 59: Chiến lược toàn cầu của Mỹ được thực hiện và điều chỉnh qua

- A. nhiều chiến lược cụ thể dưới tên gọi và học thuyết khác nhau
- B. nhiều kế hoạch cụ thể với những hành động cụ thể riêng từng nước.
- C. nhiều chiến lược cụ thể với những kế hoạch cụ thể riêng từng nước.
- D. nhiều kế hoạch cụ thể với những học thuyết khác nhau.

Câu 60: Đặc điểm nền kinh tế Mỹ từ năm 1991 đến năm 2000 là

- A. tiếp tục phát triển mạnh mẽ.
- B. bắt đầu phục hồi và phát triển.
- C. khủng hoảng nghiêm trọng.
- D. trải qua những đợt suy thoái ngắn.

ĐÁP ÁN

1-D	2-A	3-A	4-C	5-C	6-B	7-A	8-D	9-B	10-C
11-D	12-D	13-B	14-C	15-B	16-B	17-B	18-C	19-A	20-C
21-D	22-C	23-D	24-D	25-A	26-C	27-D	28-C	29-D	30-C
31-C	32-C	33-A	34-A	35-B	36-A	37-B	38-C	39-C	40-A
41-A	42-A	43-C	44-D	45-A	46-A	47-C	48-A	49-C	50-C
51-A	52-A	53-C	54-A	55-D	56-A	57-B	58-A	59-A	60-D

LỜI GIẢI CHI TIẾT Câu 1: Đáp án D

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã đạt được những thành tựu về kinh tế bao gồm:

- Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (năm 1948 là 56%).
- Chiếm hơn $\frac{3}{4}$ dự trữ vàng của thế giới.
- Sản lượng nông nghiệp của Mỹ năm 1949 bằng hai lần sản lượng của các nước Anh, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Italia và Nhật Bản cộng lại.

Câu 2: Đáp án A

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc (1989) và trật tự thế giới hai cực Ianta sụp đổ (1991) Mỹ tìm cách vươn lên chi phối và lãnh đạo toàn thế giới. Với sức mạnh kinh tế và khoa học – kỹ thuật vượt trội, trong bối cảnh Liên Xô tan rã, Mỹ muốn thiết lập trật tự thế giới đơn cực, trong đó Mỹ là siêu cường duy nhất sắp đặt và chi phối.

Câu 3: Đáp án A

Từ năm 1983, kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế – tài chính nhưng tỉ trọng của kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm sút nhiều so với trước.

Câu 4: Đáp án C

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu nhằm thực hiện tham vọng xác lập vai trò lãnh đạo của Mỹ ở trên khắp toàn cầu.

Câu 5: Đáp án C

Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 11-7-1995.

Câu 6: Đáp án B

Khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.

Câu 7: Đáp án A

Vụ khủng bố ngày 11-9-2001 cho thấy nước Mỹ cũng rất dễ bị tổn thương và chủ nghĩa khủng bố sẽ là một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 8: Đáp án D

Sau chiến tranh lạnh, các nước Tây Âu đã có sự điều chỉnh chính sách đối ngoại: các nước đều chú ý mở rộng quan hệ không chỉ với các nước tư bản phát triển khác mà còn với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh, các nước thuộc Đông Âu và SNG.

Câu 9: Đáp án B

- Ngày 18-4-1951, 6 nước Tây Âu thành lập “*Cộng đồng than – thép châu Âu*”.
- Ngày 25-3-1957, 6 nước này kí Hiệp ước Rôma, thành lập “*Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu*” và “*Cộng đồng kinh tế châu Âu*” (EEC).
- Đến ngày 1-7-1967, ba tổ chức trên được hợp nhất thành “*Cộng đồng châu Âu*” (EC).

Câu 10: Đáp án C

EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

Câu 11: Đáp án D

- Ngày 18-4-1951, 6 nước Tây Âu thành lập “*Cộng đồng than – thép châu Âu*”.

Câu 12: Đáp án D

Đến cuối thập kỉ 90, Liên minh châu Âu (EU) đã trở thành tổ chức liên kết chính trị – kinh tế lớn nhất hành tinh.

Câu 13: Đáp án B

Ngày 25-3-1957, 6 nước này kí Hiệp ước Rôma, thành lập “*Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu*” và “*Cộng đồng kinh tế châu Âu*” (EEC).

Câu 14: Đáp án C

- Ngày 18-4-1951, 6 nước Tây Âu (Pháp, Cộng hòa liên bang Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Luc-xem-bua) đã thành lập “*Cộng đồng than – thép châu Âu*”.

- Ngày 25–3–1957, 6 nước này kí Hiệp ước Rôma, thành lập “*Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu*” và “*Cộng đồng kinh tế châu Âu*” (EEC).
 - Đến ngày 1–7–1967, ba tổ chức trên được hợp nhất thành “*Cộng đồng châu Âu*” (EC). – Tháng 12– 1991, thành lập liên minh châu Âu (EU).
- => 6 nước thành viên đầu tiên của Liên minh châu Âu (EU) bao gồm: Pháp, Cộng hòa liên bang Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Luc–xem–bua).

Câu 15: Đáp án B

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu âm mưu bá chủ thế giới. Chiến lược này bao gồm 3 mục tiêu chủ yếu:

- Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.
- Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh vì hòa bình,
- Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.

Câu 16: Đáp án B

Khoa học – kĩ thuật của Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng và đạt được nhiều thành tựu to lớn.

Câu 17: Đáp án B

Từ năm 1952 – 1960 kinh tế Nhật Bản có bước phát triển phát triển nhanh.

Từ năm 1960 đến năm 1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển “thần kì”.

Câu 18: Đáp án C

Với học thuyết Miyadao (1–1993) và Học thuyết Hasimôtô (1–1997), Nhật Bản vẫn coi trọng mối quan hệ với các nước Tây Âu, mở rộng quan hệ với các đối tác khác trên phạm vi toàn cầu và chú trọng phát triển mối quan hệ với các nước Đông Nam Á.

Câu 19: Đáp án A

Từ những năm 90 của thế kỉ XX, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế,

Câu 20: Đáp án C

Từ những năm 70 của thế kỉ XX trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (cùng với Mỹ và Tây Âu).

Câu 21: Đáp án D

Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật được kí kết (8–9/1951) đặt nền tảng cho quan hệ mới giữa hai nước. Theo đó, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mỹ, để cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.

Câu 22: Đáp án C

Tuy là một nước tư bản phát triển cao nhưng Nhật Bản vẫn giữ được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của mình. Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại là nét đáng chú ý trong đời sống văn hóa Nhật Bản.

Câu 23: Đáp án D

Để thực hiện chiến lược toàn cầu, Mỹ đã khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh, đồng thời trực tiếp gây ra hoặc ủng hộ hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược và bạo loạn, lật đổ chính quyền ở nhiều nơi trên thế giới, tiêu biểu là việc thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 – 1975), dính líu vào cuộc chiến tranh Trung Đông,...

Câu 24: Đáp án D

Bộ chủ huy tối cao lực lượng đồng minh (SCAP) đã thực hiện các cải cách dân chủ ở Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1952.

Câu 25: Đáp án A

Ngày 8–9–1951, Hiệp ước hòa bình Xan Phranxico được kí kết chấm dứt chế độ chiếm đóng của đồng minh ở Nhật Bản.

Câu 26: Đáp án C

Những hạn chế và khó khăn ở Nhật Bản bao gồm:

- Lãnh thổ hẹp, dân đông, nghèo tài nguyên, thường xảy ra thiên tai, phải phụ thuộc vào nguồn nguyên nhiên liệu nhập từ bên ngoài.
- Cơ cấu giữa các vùng kinh tế, giữa công – nông nghiệp mất cân đối.
- Chịu sự cạnh tranh gay gắt của Mỹ, Tây Âu, NICs, Trung Quốc...
- Chưa giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản nằm trong bản thân nền kinh tế TBCN.

Câu 27: Đáp án D

Từ năm 1983, kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế – tài chính, nhưng tỉ trọng của nền kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm sút nhiều so với trước.

Câu 28: Đáp án C

Trong thập kỉ 90, Mỹ theo đuổi ba mục tiêu cơ bản của chiến lược “Cam kết và mở rộng”, trong đó có một mục tiêu là sử dụng chiêu bài (khẩu hiệu) “thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

Câu 29: Đáp án D

Vụ khủng bố ngày 11–9–2001: tòa tháp đôi ở Mỹ bị sụp đổ do bị các phần tử khủng bố tổ chức tấn công bằng máy bay. Chủ nghĩa khủng bố là một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 30: Đáp án C

Mỹ là nước khởi đầu cho cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại và đạt được nhiều thành tựu to lớn.

Câu 31: Đáp án C

Từ năm 1945 đến năm 1950, các nước tư bản Tây Âu với sự viện trợ của Mỹ đã cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu vừa mới hình thành.

Câu 32: Đáp án C

Từ những năm 90 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản lâm vào tình trạng suy thoái nhưng Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới.

Câu 33: Đáp án A

Thành tựu về Khoa học – kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- Mĩ là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tính tự động).
- Sáng tạo ra nhiều vật liệu mới (Pôlime, vật liệu tổng hợp).
- Sáng tạo ra nhiều năng lượng mới (năng lượng nguyên tử, nhiệt hạch).
- Chinh phục vũ trụ (đưa con người lên Mặt trăng năm 1969) và đi đầu trong “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

Câu 34: Đáp án A

Từ thập kỉ 9 trở đi, Mĩ chi phối hầu hết các tổ chức kinh tế – tài chính quốc tế như: Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF),....

Câu 35: Đáp án B

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc (1989) và trật tự thế giới hai cực Ianta tan rã (1991), Mĩ càng tìm cách vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới.

Câu 36: Đáp án A

Sau thất bại ở cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mĩ phải kí Hiệp định Pari (1973) và rút quân về nước, các chính quyền Mĩ vẫn tiếp tục triển khai “Chiến lược tàn cầu” và theo đuổi chiến tranh lạnh. Đến tháng 12-1989. Mĩ và Liên Xô mới chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, mở ra thời kì mới trên trường quốc tế.

Câu 37: Đáp án B

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước thu được nhiều lợi nhuận nhất. Mĩ không chỉ không bị thiệt hại bởi chiến tranh và biết lợi dụng chiến tranh để làm giàu khi thực hiện buôn bán vũ khí và phương tiện chiến tranh. Tình hình Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai đối lập với Liên Xô (bị thiệt hại nặng nề nhất).

Câu 38: Đáp án C

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại và đạt được nhiều thành tựu lớn.

Câu 39: Đáp án C

Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới với lượng dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mĩ, gấp 1,5 lần của Cộng hòa Liên bang Đức. Nhật Bản cũng là chủ nợ lớn nhất thế giới.

Câu 40: Đáp án A

Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho Nhật Bản hậu quả hết sức nặng nề: khoảng 3 triệu người chết và mất tích; 40% đô thị; 80% tàu bè; 34% máy móc bị phá hủy; 13 triệu người chết và thất nghiệp; thảm họa đói rét đe dọa toàn nước Nhật.

Câu 41: Đáp án A

Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và Khoa học – kỹ thuật, luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua bằng phát minh sáng chế.

Câu 42: Đáp án A

Chính sách đối ngoại mới trong những năm 70 của thế kỷ XX ở Nhật Bản được thể hiện qua học thuyết Phucuda (1977) và Kaiphu (1991). Nội dung chủ yếu của các học thuyết trên là tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

Câu 43: Đáp án C

Một trong những khó khăn về công nghiệp của Nhật Bản trong giai đoạn 1952 – 1973 là: Lãnh thổ Nhật Bản không rộng, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, nền công nghiệp của Nhật Bản hầu như phụ thuộc vào các nguồn nguyên, nhiên liệu nhập khẩu từ bên ngoài.

Câu 44: Đáp án D

Tháng 4–1996, hai nước Mỹ và Nhật Bản ra tuyên bố khẳng định lại việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật.

Câu 45: Đáp án A

Từ năm 1991 đến năm 2000, khoa học kỹ thuật Nhật Bản vẫn tiếp tục phát triển ở trình độ cao. Tính đến năm 1992, Nhật Bản đã phóng 49 vệ tinh khác nhau và hợp tác có hiệu quả với Mỹ, Liên Xô (sai là Liên Bang Nga) trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

Câu 46: Đáp án A

Năm 1956, Nhật Bản bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Cùng năm đó, Nhật Bản là thành viên của Liên hợp quốc.

Câu 47: Đáp án C

Một trong những nguyên nhân khách quan quan trọng của Nhật Bản đưa đến sự phát triển mạnh mẽ của Nhật Bản giai đoạn 1952 – 1973 là biết tận dụng các yếu tố bên ngoài để phát triển như nguồn viện trợ của Mỹ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 – 1953) và Chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975)....

Câu 48: Đáp án A

Một trong những hạn chế, khó khăn của Nhật Bản giai đoạn 1952 – 1973 là vẫn còn tồn tại tình trạng mất cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm Tôkiô, Ôxaca và Nagôia, giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng có sự mất cân đối.

Câu 49: Đáp án C

Cơ cấu tổ chức của Liên minh châu Âu (EU) bao gồm 5 cơ quan chính là: Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Tòa án châu Âu.

Câu 50: Đáp án C

Từ năm 1973 đến năm 1991, Tây Âu luôn vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ Mỹ, Nhật Bản và các nước Công nghiệp mới (NICs). Quá trình “nhất thể hóa” Tây Âu trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu vẫn còn nhiều trở ngại.

Câu 51: Đáp án A

Tháng 11-1972, kí kết Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức. làm cho tình hình châu Âu có phần dịu đi.

Câu 52: Đáp án A

Trong giai đoạn 1950 – 1973, nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì “phi thực dân hóa” trên toàn thế giới.

Câu 53: Đáp án C

Trong nền kinh tế các nước Tây Âu, nhà nước có vai trò rất lớn trong việc quản lí, điều tiết và thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Câu 54: Đáp án A

Từ năm 1950, các nước Tây Âu đã áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng Khoa học – kĩ thuật hiện đại để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Câu 55: Đáp án D

Trong giai đoạn 1991 – 2000, khoa học – kĩ thuật Mĩ tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Tính chung, mĩ chiếm tới 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của thế giới.

Câu 56: Đáp án A

Từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX, xu thế đối thoại và hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới. Trong bối cảnh đó, tháng 12-1989, Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, mở ra thời kì mới trên trường quốc tế.

Câu 57: Đáp án B

Sau thất bại ở chiến tranh Việt Nam, với học thuyết Rigan, Mĩ vẫn tăng cường chạy đua vũ trang

Câu 58: Đáp án A

Năm 1972 và năm 1979, Mĩ thực hiện chính sách hòa hoãn với hai nước lớn là Liên Xô và Mĩ nhằm mục đích chống lại và cô lập phong trào đấu tranh cách mạng của các dân tộc.

Câu 59: Đáp án A

Chiến lược toàn cầu của Mĩ được thực hiện và điều chỉnh qua nhiều chiến lược cụ thể, dưới những tên gọi và học thuyết khác nhau.

Câu 60: Đáp án D

Trong suốt thập kỉ 90, tuy có trải qua những đợt suy thoái ngắn nhưng kinh tế Mĩ vẫn đứng đầu thế giới.

Mức độ 2: Thông hiểu

Câu 1: Ý nào sau đây **không** phải là mục tiêu cơ bản trong “*Chiến lược toàn cầu*” của Mĩ?

- A. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh
- B. Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới
- C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới
- D. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác

Câu 2: Yếu tố nào dẫn tới sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ khi bước vào thế kỉ XXI?

- A. Chủ nghĩa khủng bố.
- B. Chiến tranh I-ran.
- C. Mĩ thất bại tại Việt Nam.
- D. Liên Xô tan rã.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây **không** phải là nhân tố thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển?

- A. Lợi dụng chiến tranh làm giàu
- B. Áp dụng Khoa học kĩ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất chất lượng
- C. Tận dụng các yếu tố bên ngoài để phát triển như chiến tranh ở Triều Tiên, Việt Nam
- D. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú

Câu 4: Cơ sở để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu, thực hiện tham vọng bá chủ thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn.
- B. sự tạm lắng của phong trào cách mạng thế giới.
- C. sự suy yếu của các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.
- D. sự ủng hộ của các nước đồng minh bị Mĩ khống chế.

Câu 5: Tại sao đầu những năm 70 của thế kỉ XX Mĩ lại thực hiện chính sách hoà hoãn với Liên Xô và Trung Quốc

- A. mở ra mối quan hệ hợp tác hai bên cùng có lợi với các nước xã hội chủ nghĩa
- B. ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới
- C. chống lại phong trào cách mạng của các dân tộc trên thế giới
- D. đe dọa các đồng minh truyền thống của Mĩ

Câu 6: Mĩ đã thực hiện biện pháp cơ bản nào để có được những thành tựu to lớn trong cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại?

- A. hợp tác nghiên cứu với nhiều quốc gia trên thế giới.
- B. thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc và miễn phí cho mọi đối tượng học sinh.
- C. đầu tư lớn cho giáo dục và nghiên cứu khoa học.
- D. có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho các nhà khoa học

Câu 7: Nguyên nhân cơ bản quyết định sự phát triển nhảy vọt của nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi và thành tựu cách mạng khoa học - kĩ thuật,
- B. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao, quân sự hoá nền kinh tế
- C. Quân sự hoá nền kinh tế để buôn bán vũ khí, phương tiện chiến tranh
- D. Dựa vào thành tựu cách mạng khoa học - kĩ thuật, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất, cải tiến kĩ thuật nâng cao năng suất lao động

Câu 8: Nội dung nào *không* nằm trong chiến lược “*Cam kết và mở rộng*” của Mĩ là

- A. bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao
- B. tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế của Mĩ
- C. sử dụng khẩu hiệu “thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ của nước khác
- D. tăng cường phát triển khoa học, kĩ thuật, quân sự bảo đảm tính hiện đại về vũ trang

Câu 9: Đặc điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. liên minh chặt chẽ với Mĩ, ủng hộ Mĩ trong các vấn đề quốc tế.
- B. mâu thuẫn với Mĩ và là đối trọng của của các nước XHCN Đông Âu. C. thực hiện chính sách đa phương hoá, đa dạng hoá với bên ngoài
- D. quan hệ mật thiết với Mĩ và Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 10: Nhật Bản và Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế, tài chính vào thời kì nào?

- A. Từ năm 1991 đến nay
- B. Từ năm 1945 đến năm 1950
- C. Từ năm 1950 đến năm 1973
- D. Từ năm 1973 đến năm 1991

Câu 11: Đến khoảng năm 1950, kinh tế các nước tư bản ở Tây Âu cơ bản được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh do

- A. Ứng dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật
- B. Quá trình liên kết khu vực diễn ra sớm
- C. Sự viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ Kế hoạch Mácsan
- D. Sự giúp đỡ của Liên Xô

Câu 12: Ý nghĩa bao quát, tích cực nhất của khối EU là gì ?

- A. Tạo ra 1 cộng đồng kinh tế và 1 thị trường chung để đẩy mạnh phát triển kinh tế và ứng dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật.
- B. Có điều kiện để cạnh tranh kinh tế, tài chính, thương mại với Mĩ và Nhật Bản.
- C. Phát hành và sử dụng đồng EURO.
- D. Thống nhất trong chính sách đối nội và đối ngoại giữa các nước thành viên

Câu 13: Nhân tố khách quan nào đã giúp kinh tế các nước Tây Âu hồi phục sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự nỗ lực của toàn thể nhân dân trong nước
- B. Viện trợ của Mĩ theo kế hoạch Mácsan
- C. Tiền bồi thường chiến phí từ các nước bại trận

D. Sự giúp đỡ viện trợ của Liên Xô

Câu 14: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mỹ về mặt quân sự?

- A. Tham gia khối quân sự ANZUS.
- B. Tham gia khối quân sự NATO.
- C. Tham gia Tổ chức Hiệp ước Vacsava.
- D. Thành lập Liên minh châu Âu (EU).

Câu 15: Quá trình liên kết khu vực Tây Âu diễn ra mạnh mẽ vì

- A. Các nước Tây Âu đều đi theo con đường tư bản chủ nghĩa
- B. Tây Âu muốn dần thoát khỏi sự khống chế của Mỹ
- C. Tây Âu bị cạnh tranh quyết liệt bởi Mỹ và Nhật Bản
- D. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu liên kết chặt chẽ cạnh tranh với Tây Âu

Câu 16: Nhân tố nào **không** phải nguyên nhân giúp các nước Tây Âu nhanh chóng khôi phục kinh tế sau chiến tranh là

- A. Nhận viện trợ của Mỹ thông qua kế hoạch “phục hưng châu Âu”
- B. Áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng xuất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- C. Nhận được khoản bồi thường chiến phí khổng lồ để khôi phục kinh tế
- D. Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc quản lý và điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

Câu 17: Sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa được tạo nên bởi

- A. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ.
- B. Kế hoạch Mác-san (tháng 6-1947).
- C. Học thuyết Truman (tháng 3-1947).
- D. Kế hoạch Mác-san và sự ra đời của khối quân sự NATO

Câu 18: Sự phát triển “*thần kỳ*” của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai được biểu hiện rõ nét nhất ở điểm nào?

- A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hai trên thế giới sau Mỹ
- B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950-1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng hơn 20 lần
- C. Từ thập niên 70 của thế kỷ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản (Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản)
- D. Từ nước chiến bại, khó khăn, thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế, đứng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mỹ).

Câu 19: Yếu tố nào **không** phải là nguyên nhân sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ II?

- A. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn, có hiệu quả cả trong và ngoài nước.

B. Vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và điều tiết nền kinh tế. **C.** Chính sách Kinh tế mới của Tổng thống Mĩ Rudoven đã phát huy tác dụng trên thực tế.

D. Mĩ đã có sự điều chỉnh về cơ cấu sản xuất, đổi mới kĩ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động.

Câu 20: Thành tựu nào của kinh tế Mĩ trong những năm 1945 – 1973 là một trong những dấu hiệu chứng tỏ Mĩ đã rất thành công khi tiến hành cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp?

- A.** Sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm 40% sản lượng công nghiệp toàn thế giới.
- B.** Công nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh.
- C.** Kinh tế Mĩ chiếm 25% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- D.** Sản lượng nông nghiệp Mĩ năm 1949 bằng 2 lần tổng sản lượng nông nghiệp các nước Anh, Pháp, Nhật Bản, Cộng hòa liên bang Đức và Italia.

Câu 21: Nhận định nào dưới đây về thành tựu khoa học - kĩ thuật Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ II là không đúng?

- A.** Mĩ là nước tiên phong trong việc chế tạo công cụ sản xuất mới như máy tính điện tử, máy tự động.
- B.** Mĩ là nước tiên phong trong việc tìm ra những vật liệu mới như chất dẻo pôlime.
- C.** Mĩ là nước đầu tiên thực hiện thành công nhân và công bố "bản đồ gen người".
- D.** Mĩ là nước đầu tiên chế tạo thành công bom nguyên tử

Câu 22: Đặc điểm nổi bật của tình hình kinh tế Mĩ trong thập niên 70 là **A.**

Kinh tế khá ổn định, tốc độ tăng trưởng cao.

- B.** Khủng hoảng, suy thoái kéo dài.
- C.** Mĩ thất bại trong cuộc Chiến tranh ô tô với Nhật Bản.
- D.** Mĩ thất bại trong cuộc chạy đua với Nhật nhằm chiếm lĩnh thị trường châu Âu.

Câu 23: Thời điểm nào nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới? **A.** Những năm 60 của thế kỉ XX.

- B.** Những năm 70 của thế kỉ XX.
- C.** Những năm 80 của thế kỉ XX.
- D.** Những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 24: Nguyên nhân nào **không** tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A.** Không bị chiến tranh tàn phá
- B.** Được yên ổn sản xuất và bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- C.** Tập trung sản xuất và tư bản cao.
- D.** Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 25: Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối nội và đối ngoại của các nước Tây Âu trong 5 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai là?

- A.** củng cố, phát triển mối quan hệ hợp tác khu vực.
- B.** Đấu tranh chống lại sự thao túng, ảnh hưởng của Mĩ ở châu Âu.

C. Chạy đua vũ trang, tham gia cuộc Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

D. Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội.

Câu 26: Tình hình nổi bật của các nước Tây Âu trong những năm 1945 - 1950 là A.

Là thời kì Tây Âu đạt được sự ổn định chính trị, kinh tế tăng trưởng khá.

B. Là thời kì Tây Âu tập trung ổn định chính trị, phục hồi kinh tế.

C. Là thời kì đầy khó khăn của chủ nghĩa tư bản Tây Âu trước những biến động to lớn về kinh tế - tài chính do cuộc khủng hoảng năng lượng gây ra.

D. Trên cơ sở nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, các nước Tây Âu tập trung củng cố nền chính trị, đấu tranh nhằm hạn chế sự bành trướng thế lực của Mĩ ở châu Âu.

Câu 27: Sau Chiến tranh thế giới thứ II, thái độ của các nước tư bản Tây Âu về vấn đề độc lập dân tộc ở các thuộc địa như thế nào?

A. Đa số ủng hộ việc công nhận nền độc lập của các nước thuộc địa.

B. Tìm cách thiết lập chế độ thuộc địa kiểu mới đối với các nước thế giới thứ ba.

C. Tìm cách thiết lập trở lại chủ quyền trên các thuộc địa của mình trước đây.

D. Ủng hộ việc công nhận quyền tự trị của các thuộc địa.

Câu 28: Mục đích của Mĩ trong "*Kế hoạch Mác - san*" là

A. Giúp đỡ các nước tư bản trên thế giới Phục hồi lại nền kinh tế sau chiến tranh.

B. Củng cố sức mạnh của hệ thống Tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

C. Biến Đức trở thành một tiền đồn chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản từ Đông sang Tây.

D. Xác lập ảnh hưởng, sự khống chế của Mĩ đối với các nước tư bản đồng minh.

Câu 29: Trong những năm 1950 - 1973, nước Tây Âu nào đã thực hiện đường lối đối ngoại độc lập với Mĩ?

A. Anh

B. Pháp.

C. Italia.

D. Cộng hoà Liên bang Đức.

Câu 30: Sự điều chỉnh đường lối đối ngoại của các nước Tây Âu từ sau năm 1991 xuất phát từ bối cảnh lịch sử như thế nào?

A. Sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc.

B. Cuộc các mạng khoa học - kĩ thuật lần hai đã bắt đầu C. Sự trỗi dậy của phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế.

D. "Chiến tranh lạnh" kết thúc, trật tự Ianta hoàn toàn tan rã.

Câu 31: Nhật Bản đã tận dụng những yếu tố bên ngoài nào để phát triển kinh tế sau chiến tranh?

A. Chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

B. Thị trường nguyên liệu, nhân công lao động rẻ ở khu vực Đông Nam Á.

C. Nguồn viện trợ quỹ ODA.

D. Chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Câu 32: Một trong những dấu hiệu chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỉ

- A. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, là chủ nợ của thế giới.
- B. Là chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần CHLB Đức, gấp 3 lần của Mỹ.
- C. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.
- D. Là chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần CHDC Đức, gấp 3 lần của Mỹ.

Câu 33: Định hướng phát triển của khoa học - kỹ thuật Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ II là

- A. Tập trung vào lĩnh vực sản xuất, ứng dụng dân dụng.
- B. Tập trung vào phát triển công nghiệp quân sự.
- C. Tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chinh phục vũ trụ.
- D. Tập trung vào nghiên cứu khắc phục tình trạng khan hiếm tài nguyên.

Câu 34: Trong những năm 60 – 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế của Nhật Bản phát triển “thần kì”, yếu tố nào dưới đây là nguyên nhân nội tại?

- A. Biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.
- B. Chi phí quốc phòng không vượt quá 5% GDP.
- C. Biết lợi dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật để tăng năng suất.
- D. Lợi dụng chiến tranh ở Triều Tiên và Việt Nam để buôn bán vũ khí.

Câu 35: Trong những năm 1973 – 1991, sự phát triển kinh tế Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn, chủ yếu là do

- A. thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp đáng kể.
- B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- C. sự cạnh tranh của Mỹ và các nước Tây Âu.
- D. sự cạnh tranh của Trung Quốc và Ấn Độ.

Câu 36: Vì sao nước Mỹ đi đầu trong cuộc cách mạng Khoa học – kỹ thuật hiện đại?

- A. Nước Mỹ có nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao
- B. Nước Mỹ là quê hương của nhiều nhà khoa học nổi tiếng.
- C. Nước Mỹ có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú.
- D. Nước Mỹ có điều kiện hòa bình, có cơ sở tốt cho các nhà khoa học đến làm việc.

Câu 37: Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX trở đi, chính sách đối ngoại của Mỹ với Liên Xô chuyển sang đối thoại, hòa hoãn vì lí do chủ yếu nào? A. Địa vị kinh tế của Mỹ và Liên Xô suy giảm.

- B. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã giành thắng lợi.
- C. Kinh tế Tây Âu và Nhật Bản vươn lên cạnh tranh mạnh mẽ.
- D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới lâm vào khủng hoảng.

Câu 38: Về quân sự, biểu hiện nào sau đây chứng tỏ các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mỹ? A. Trở lại xâm lược các thuộc địa cũ.

- B. Tham gia khối quân sự NATO.
- C. Thành lập nước Cộng hòa liên bang Đức
- D. Chống lại Liên Xô.

Câu 39: Ý nào dưới đây **không** phải là biện pháp khôi phục đất nước của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Nhận viện trợ của Mỹ qua hình thức vay nợ để phát triển.
- B. Xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh để đối phó với Trung Quốc ở biển Hoa Đông. C. Ban hành Hiến pháp mới và tiến hành nhiều cải cách dân chủ tiến bộ
- D. Loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản.

Câu 40: Từ năm 1945 đến năm 1950, nền kinh tế của Tây Đức được phục hồi và phát triển về mọi mặt do?

- A. Nhờ ứng dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật.
- B. Mỹ viện trợ 17 tỉ USD theo kế hoạch Macsan. C. Nhờ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.
- D. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế sau chiến tranh.

Câu 41: Các nước Tây Âu có thể tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm dựa vào?

- A. Tận dụng các cơ hội bên ngoài.
- B. Nguồn vốn của Mỹ.
- C. Vai trò điều tiết của nhà nước D. Cách mạng Khoa học – kỹ thuật.

Câu 42: Chính sách đối ngoại chủ yếu của các nước Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973 là A. Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ.

- B. Tìm cách trở lại các thuộc địa cũ của mình.
- C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- D. Chấp nhận đứng dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mỹ.

Câu 43: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự liên kết kinh tế giữa các nước Tây Âu là A. thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ.

- B. muốn liên kết kinh tế, thành lập Nhà nước chung châu Âu.
- C. muốn khẳng định sức mạnh và tiềm lực kinh tế của mình.
- D. muốn liên kết để cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

Câu 44: Tại sao nói Liên minh châu Âu (EU) là tổ chức chính trị, kinh tế lớn nhất hiện nay? A. Thành lập được Nghị viện châu Âu với sự tham gia của các nước thành viên.

- B. Sử dụng đồng tiền chung châu Âu ở nhiều nước thành viên.
- C. Chiếm ¼ GDP của thế giới, có trình độ khoa học – kỹ thuật tiên tiến.
- D. Là tổ chức có số lượng thành viên lớn, có dân số đông nhất thế giới và có lực lượng lao động với trình độ cao.

Câu 45: Nhận định nào đúng về tình hình các nước châu Âu từ năm 1973 đến năm 1991? A. Quá trình “nhất thể hóa” trong khuôn khổ cộng đồng châu Âu còn nhiều trở ngại.

- B. Quá trình “nhất thể hóa” trong khuôn khổ cộng đồng châu Âu diễn ra thuận lợi.
- C. Quá trình “toàn cầu hóa” trong khuôn khổ cộng đồng châu Âu còn nhiều trở ngại.
- D. Quá trình toàn cầu hóa” trong khuôn khổ cộng đồng châu Âu diễn ra thuận lợi.

Câu 46: Cơ quan nào sau đây **không** thuộc tổ chức Liên minh châu Âu (EU)? **A.**

Tòa án châu Âu.

- B. Hội đồng quốc phòng châu Âu.
- C. Hội đồng châu Âu.
- D. Hội đồng Bộ trưởng.

Câu 47: Năm 1999, đồng tiền chung châu Âu (EURO) được phát hành có ý nghĩa gì? **A.**

Tạo thuận lợi trao đổi, buôn bán.

- B. Thống nhất tiền tệ, thúc đẩy nền kinh tế.
- C. Thống nhất sự kiểm soát tài chính.
- D. Thống nhất đo lường để dễ dàng trao đổi.

Câu 48: Nguyên nhân khách quan nào sau đây tạo điều kiện cho kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ II?

- A. Truyền thống văn hóa tốt đẹp, con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo cần cù lao động.
- B. Nhờ cải cách ruộng đất.
- C. Vai trò quan trọng của nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, hệ thống quản lý có hiệu quả.
- D. Nguồn viện trợ của Mỹ và buôn bán vũ khí.

Câu 49: Nhật Bản thực hiện biện pháp nào trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật để đạt được hiệu quả cao nhất?

- A. Đầu tư vốn để nghiên cứu khoa học.
- B. Mua bằng phát minh sáng chế.
- C. Hợp tác về khoa học – kĩ thuật với các nước khác.
- D. Đánh cắp phát minh sáng chế.

Câu 50: Từ đầu những năm 90, Nhật có ý định gì để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế?

- A. Vươn lên trở thành một cường quốc về quân sự.
- B. Nỗ lực trở thành cường quốc chính trị.
- C. Vận động trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- D. Tăng cường viện trợ đối với các nước khác.

1-D	2-A	3-C	4-A	5-C	6-C	7-D	8-D	9-A	10-C
11-C	12-A	13-B	14-B	15-B	16-C	17-B	18-D	19-C	20-D
21-C	22-B	23-C	24-D	25-D	26-B	27-C	28-D	29-B	30-D
31-D	32-C	33-A	34-C	35-B	36-D	37-A	38-B	39-B	40-B
41-D	42-A	43-A	44-C	45-A	46-B	47-B	48-D	49-B	50-B

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Đáp án D

Ba mục tiêu chủ yếu của chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai bao gồm:

- Ngăn chặn và tiền tới xáo bở chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.
- Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.

Đáp án D là mục tiêu của chiến lược “Cam kết và mở rộng” được Mỹ thực hiện bắt đầu từ năm 1991.

Câu 2: Đáp án A

Vụ khủng bố xảy ra ngày 11-9-2001 cho thấy nước Mỹ cũng rất dễ bị tổn thương và chủ nghĩa khủng bố sẽ là một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối ngoại và đối nội của Mỹ khi bước vào thời kì mới.

=> *Yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ khi bước vào thế kỉ XXI là chủ nghĩa khủng bố.*

Câu 3: Đáp án C

Những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của nền kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới hai bao gồm:

- Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao, năng động, sáng tạo.
- Lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ bán vũ khí.
- Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất...
- Trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao, cạnh tranh có hiệu quả ở trong và ngoài nước.
- Các chính sách và hoạt động điều tiết của nhà nước có hiệu quả.

Đáp án C là một trong những nguyên nhân phát triển của kinh tế Nhật Bản. **Câu**

4: Đáp án A

Cơ sở để Mỹ thực hiện tham vọng bá chủ thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là: -

Kinh tế:

- + Mỹ thu được lợi nhuận 114 tỉ USD, trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới.
- + Từ những năm 1945 – 1950, nước Mỹ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

- + Sản lượng nông nghiệp của Mỹ gấp 2 lần sản lượng của năm nước Anh, Pháp, Tây Đức, I- ta-li-a và Nhật Bản cộng lại.
- + Nắm trong tay $\frac{3}{4}$ dự trữ vàng của thế giới.
- + Là chủ nợ duy nhất của thế giới.

- **Quân sự:** Mỹ có lực lượng mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền vũ khí nguyên tử.

=> Điều kiện quan trọng để Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới.

Câu 5: Đáp án C

Tháng 2-1972, Tổng thống Níchxơn sang thăm Trung Quốc, mở ra thời kì mới trong quan hệ giữa hai nước. Năm 1979, quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Trung Quốc được thiết lập. Đến tháng 5-1972, Níchxơn tới thăm Liên Xô, thực hiện chính sách hòa hoãn với hai nước lớn để chống lại phong trào giải phóng dân tộc. Bờ Liên Xô và Trung Quốc sau chiến tranh thế giới thứ hai đã thực hiện chính sách đối ngoại tích cực, ví dụ với Việt Nam, hai nước này có viện trợ và giúp đỡ rất nhiều. Hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô là một trong những biện pháp của Mỹ để hạn chế sự phát triển và đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 6: Đáp án C

Mỹ là quốc gia đầu tư cho sự phát triển của giáo dục và khoa học – kĩ thuật. Chính vì lẽ đó mà Mỹ là nước đi đầu trong cách mạng Khoa học – kĩ thuật lần 2, đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới, năng lượng mới chinh phục vũ trụ. Trong giai đoạn 1991 – 2000, Mỹ chiếm tới 1/3 số lượng bản quyền phát minh của thế giới.

=> Một trong những biện pháp cơ bản Mỹ đã thực hiện để có được những thành tựu to lớn trong cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại là: đầu tư lớn cho giáo dục.

Câu 7: Đáp án D

- Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm tăng lên, hạ giá thành sản phẩm.
- Điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất, nền kinh tế phát triển cân đối, tận dụng được nguồn lực của đất nước.

- Cải tiến kĩ thuật sẽ làm cho năng suất lao động được nâng cao, hạn chế sản xuất bằng tay chân.

=> Nguyên nhân cơ bản quyết định sự phát triển nhảy vọt của nền kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là dựa vào những thành tựu khoa học – kĩ thuật, điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất, cải tiến kĩ thuật nâng cao năng suất lao động.

Câu 8: Đáp án D

Trong thập kỉ 90, chính quyền B. Clinton theo đuổi ba mục tiêu cơ bản của chiến lược “Cam kết và mở rộng”: Đó là:

- Đảm bảo an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- Tăng cường khôi phục tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.
- Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

Câu 9: Đáp án A

Những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu lúc bấy giờ là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị - xã hội, hàn gắn vết thương chiến

tranh, phục hồi nền kinh tế và liên minh chặt chẽ với Mỹ. Từ những năm 1950 đến năm 1973, các nước Tây Âu đã phần vẫn tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mỹ.

=> *Đặc điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là liên minh chặt chẽ với Mỹ, ủng hộ Mỹ trong các vấn đề quốc tế.*

Câu 10: Đáp án C

Trong giai đoạn 1950 -1973, Nhật Bản và Tây Âu đều trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

Câu 11: Đáp án C

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu chịu thiệt hại nặng nề. Tuy nhiên, với sự cố gắng của từng nước và sự viện trợ của Mỹ trong khuôn khổ “Kế hoạch Mácsan”, đến khoảng năm 1950, kinh tế các nước tư bản Tây Âu cơ bản được phục hồi, đạt mức chiến tranh.

Câu 12: Đáp án A

EU ra đời với mục đích là hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung. Cụ thể:

- 6 nước đều có chung một nền văn, có một nền kinh tế không cách biệt và từ lâu đã liên hệ mật thiết với nhau. Sự hợp tác là hết sức cần thiết nhằm mở rộng thị trường, nhất là dưới của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ và còn giúp các nước Tây Âu tin cậy nhau hơn về chính trị, khắc phục những nghi kị, chia rẽ đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử.
- Từ năm 1950, do nền kinh tế bắt đầu phát triển với tốc độ nhanh, các nước Tây Âu ngày càng muốn thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ; các nước này cần phải liên kết cùng nhau trong các cuộc cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

=> *Xuất phát từ mục tiêu trên có thể nói ý nghĩa bao quát và tích cực nhất của khối EU là tạo ra một công đồng kinh tế và 1 thị trường chung để đẩy mạnh phát triển kinh tế và ứng dụng các thành tựu khoa học – kỹ thuật.*

Câu 13: Đáp án B

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu phải gánh chịu hậu quả nặng nề. Tuy nhiên, với sự cố gắng của từng nước và sự viện trợ của Mỹ trong “Kế hoạch Mácsan”, đến khoảng năm 1950, kinh tế các nước Tây Âu cơ bản được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh.

=> *Nhân tố khách quan giúp kinh tế các nước Tây Âu phục hồi sau chiến tranh thế giới thứ hai là sự viện trợ của Mỹ theo kế hoạch Mácsan.*

Câu 14: Đáp án B

Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ngày 4-4-1949, là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mỹ cầm đầu chống Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu. NATO có sự tham gia của nhiều nước Tây Âu như: Anh, Pháp, Italia, Bồ Đào Nha, Bỉ, Hà Lan,..

=> *Biểu hiện chứng tỏ các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mỹ về mặt quân sự là tham gia khối quân sự NATO.*

Câu 15: Đáp án B

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, dựa vào kế hoạch Mácsan, Mỹ muốn khống chế các nước Tây Âu vào một mặt trận chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa khác.

Vì thế, trong giai đoạn đầu, các nước Tây Âu thực hiện chính sách đối ngoại liên minh chặt chẽ với Mỹ. Đến giai đoạn sau, một số nước bắt đầu tách ra thậm chí trở thành đối trọng đối với Mỹ trong nhiều vấn đề quốc tế, tiêu biểu là Pháp và Đức

Việc các nước Tây Âu liên kết với nhau cũng là để nâng cao vị thế của khu vực, cùng giúp đỡ lẫn nhau phát triển kinh tế, đặc biệt là thống nhất cả về chính trị, an ninh nhằm tạo ra tiềm lực mạnh mẽ, thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ.

Câu 16: Đáp án C

Các nước Tây Âu là những nước phải gánh chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, khoản bồi thường chiến phí hầu như rất ít và không đáng kể để các nước này thực hiện khôi phục kinh tế.

Xét những nguyên nhân đưa đến sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Tây Âu bao gồm:

- Sự nỗ lực của nhân dân lao động.
- Áp dụng thành công những thành tựu KH-KT để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
- Vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước có hiệu quả.
- Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như viện trợ Mỹ; nguồn nguyên liệu rẻ của các nước thế giới thứ ba, hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ EC...

Câu 17: Đáp án B

Kế hoạch Macsan là kế hoạch Mỹ giúp Tây Âu phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Thực chất là để lôi kéo các nước này vào phe chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Chính sách đối ngoại của Tây Âu giai đoạn đầu là liên minh chặt chẽ với Mỹ, tham gia khối quân sự NATO. Kinh tế các nước Tây Âu là kinh tế tư bản chủ nghĩa.

- Trong khi các nước Đông Âu lại theo chế độ Xã hội chủ nghĩa, cùng phía với Liên Xô, kinh tế của các nước Đông Âu là nền kinh tế Xã hội chủ nghĩa.

=> Như vậy, với kế hoạch Macsan đã tạo nên sự đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Tây Âu và Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

Câu 18: Đáp án D

- Từ năm 1945 đến năm 1950, kinh tế Nhật Bản gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, dựa vào sự viện trợ của Mỹ và nỗ lực của bản thân. Từ năm 1950 đến năm 1951, Nhật Bản đã khôi phục kinh tế đạt mức trước chiến tranh.

- Từ năm 1960 đến năm 1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của Nhật Bản từ năm 1960 đến năm 1969 là 10,8%, từ năm 1970 đến năm 1973 tuy có giảm nhưng vẫn bình quân 7,8% cao hơn rất nhiều so với các nước phát triển khác.

- Năm 1968, kinh tế Nhật Bản đã vượt Anh, Pháp, Đức, Ý, Canada vươn lên đứng thứ hai thế giới tư bản (sau Mỹ).

Câu 19: Đáp án C

Nguyên nhân đưa đến sự phát triển của nền kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai bao gồm:

- Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao, năng động, sáng tạo.

- Lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ bán vũ khí.
- Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất...
- Trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao, cạnh tranh có hiệu quả ở trong và ngoài nước.
- Các chính sách và hoạt động điều tiết của nhà nước có hiệu quả.

Đáp án C: Chính sách của tổng thống Ru dơ ven đến thời kì không còn phát huy tác dụng nữa.

Câu 20: Đáp án D

Những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, cụ thể là năm 1949, sản lượng nông nghiệp của Mỹ bằng hai lần sản lượng của các nước Anh, Pháp, Nhật Bản, Cộng hòa liên bang Đức và Italia cộng lại. Thành tựu này chứng tỏ Mỹ đã rất thành công khi tiến hành cuộc “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

Câu 21: Đáp án C

Thành tựu về khoa học – kỹ thuật của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai bao gồm:

- Mỹ là nước khởi đầu và đạt nhiều thành tựu cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật hiện đại.
- Đi đầu trong lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động); vật liệu mới (polyme, vật liệu tổng hợp); năng lượng mới (nguyên tử, nhiệt hạch); sản xuất vũ khí, chinh phục vũ trụ, “cách mạng xanh” trong nông nghiệp...
- Mỹ là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo bay vào quỹ đạo trái đất, đưa người lên Mặt trăng vào năm 1969.

“Bản đồ gen người” là thành quả nghiên cứu sau 10 năm của các nhà nghiên cứu đến từ các nước: Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật Bản và Trung Quốc được công bố vào tháng 6-2000.

Câu 22: Đáp án B

Năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mỹ lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái kéo dài đến năm 1982. Từ năm 1983, kinh tế Mỹ mới bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại.

Đó cũng là đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mỹ trong thập niên 70 của thế kỉ XX.

Câu 23: Đáp án C

Từ năm 1983 trở đi, kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế - tài chính nhưng tỉ trọng của kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm sút nhiều so với trước.

=> Từ những năm 80 của thế kỉ XX, nền kinh tế Mỹ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới.

Câu 24: Đáp án D

Tham gia hay tiến hành chiến tranh xâm lược lại càng mang cho các nước tư bản, trong đó có Mỹ nhiều thiệt hại và suy giảm về nhiều mặt. Hơn nữa, trong chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ tham gia với sứ mệnh là một trong ba lực lượng trụ cột của quân đồng minh, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và sau chiến tranh thế giới thứ hai mặc dù thực hiện những chính sách ngăn cản sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc nhưng không đạt được hiệu quả.

=> Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước không phải là nguyên nhân tạo điều kiện cho nền kinh tế Mỹ phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 25: Đáp án D

Những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu lúc bấy giờ là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi nền kinh tế và liên minh chặt chẽ với Mỹ. Từ những năm 1950 đến năm 1973, các nước Tây Âu đa phần vẫn tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mỹ.

Câu 26: Đáp án B

Từ năm 1945 đến năm 1950, các nước tư bản Tây Âu với sự viện trợ của Mỹ đã cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu vừa mới hình thành.

=> Tình hình nổi bật của các nước Tây Âu trong những năm 1945 – 1950 là thời kì Tây Âu tập trung ổn định chính trị, phục hồi kinh tế.

Câu 27: Đáp án C

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ngoài ưu tiên hàng đầu là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi nền kinh tế và liên minh chặt chẽ với Mỹ. Các nước Tây Âu còn tìm cách thiết lập trở lại chủ quyền trên các thuộc địa của mình trước đây như: Pháp tiến hành xâm lược trở lại Đông Dương; Anh trở lại Miền Điện, Mã Lai; Hà Lan quay trở lại xâm lược Indônêxia;

=> Sau chiến tranh thế giới thứ hai, thái độ của các nước tư bản Tây Âu về vấn đề độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa là tìm cách thiết lập trở lại chủ quyền trên các thuộc địa của mình trước đây.

Câu 28: Đáp án D

Nhiều nước Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai có tham gia Khối quân sự NATO. Mỹ thông qua viện trợ 17 tỉ USD cho các nước này với mục đích là giúp các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh, nhưng thực chất là một trong những biện pháp để Mỹ khống chế các nước tư bản đồng minh (1 trong ba mục tiêu của chiến lược toàn cầu).

Câu 29: Đáp án B

Trong giai đoạn 1950 – 1973, Pháp phản đối việc trang bị vũ khí hạt nhân cho Cộng hòa Liên bang Đức, chủ ý phát triển quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đặc biệt, năm 1966, Pháp rút khỏi Bộ chỉ huy NATO và yêu cầu rút tất cả các căn cứ quân sự và quân đội Mỹ ra khỏi nước Pháp. Chính phủ Pháp cũng phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

=> Trong những năm 1950 – 1973, Pháp đã thực hiện đường lối đối ngoại độc lập với Mỹ.

Câu 30: Đáp án D

Trong thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XX, tình hình các nước Tây Âu cơ bản ổn định. Chính sách đối ngoại của các nước này có sự điều chỉnh quan trọng trong bối cảnh chiến tranh lạnh chấm dứt, trật tự hai cực Ianta tan rã.

Câu 31: Đáp án D

Một trong những nguyên nhân đưa đến sự phát triển kinh tế của Nhật Bản là: tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển như: nguồn viện trợ của Mỹ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 – 1953) và Việt Nam (1954 – 1975) để bán vũ khí và làm giàu.

Câu 32: Đáp án C

Từ nửa sau những năm 80, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường tài chính số 1 thế giới với lượng dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần của Cộng hòa Liên bang Đức.

Nhật Bản là chủ nợ lớn nhất thế giới.

Câu 33: Đáp án A

Khoa học – kỹ thuật Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đó cũng là định hướng phát triển của khoa học – kỹ thuật Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 34: Đáp án C

Các đáp án: A, D là nguyên nhân khách quan.

Đáp án B thông tin chưa chính xác: Chi phí quốc phòng của Nhật Bản không vượt quá 1% GDP.

Câu 35: Đáp án B

Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, từ năm 1973 trở đi, sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn.

Câu 36: Đáp án D

Trong giai đoạn đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là nước khởi đầu cho cách mạng Khoa học – kỹ thuật hiện đại và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Mỹ trong chiến tranh thế giới thứ hai có điều kiện hòa bình để phát triển lại là nước có nền kinh tế phát triển nên có cơ sở vật chất tương đối tốt để nghiên cứu và sáng tạo.

Câu 37: Đáp án A

Sự đối đầu Xô – Mỹ đã làm suy giảm vị trí kinh tế - chính trị của Mỹ trong khi Tây Âu và Nhật Bản lại có điều kiện vươn lên. Từ giữa những năm 80, xu hướng đối thoại và hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới.

=> Tháng 12-1989, Mỹ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 38: Đáp án B

Biểu hiện các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mỹ là nhiều nước Tây Âu như: Anh, Pháp, Italia, Bồ Đào Nha, Bỉ, Hà Lan,... đã gia nhập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ đứng đầu.

Câu 39: Đáp án B

Biện pháp xây dựng đất nước của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là tiến hành các cải cách, không gây chiến tranh làm tổn hại đến đất nước. Nhật Bản thực hiện các cải cách dân chủ, nhận viện trợ của Mỹ qua hình thức vay nợ để phát triển, SCAP ban hành Hiến pháp mới, loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản.

Câu 40: Đáp án B

Từ năm 1945 đến năm 1950, các nước tư bản Tây Âu với sự viện trợ của Mỹ đã cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu vừa hình thành.

Câu 41: Đáp án D

Các nước Tây Âu đã áp dụng thành tựu của cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Câu 42: Đáp án A

Từ năm 1950 đến năm 1973, các nước Tây Âu một mặt vẫn tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ; mặt khác cố gắng đa dạng hóa hơn nữa quan hệ đối ngoại.

Câu 43: Đáp án A

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, do nhận viện trợ từ Mỹ nên các nước Tây Âu phải chịu lệ thuộc vào Mỹ về nhiều mặt. Hơn nữa, bước vào công cuộc xây dựng đất nước có nhiều khó khăn các nước Tây Âu thấy cần phải liên kết lại với nhau để khắc phục những khó khăn để cùng phát triển.

=> Nguyên nhân chủ yếu nhất dẫn đến sự liên kết giữa các nước Tây Âu là do các nước này muốn thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ.

Câu 44: Đáp án C

Đến cuối thập kỉ 90, EU đã trở thành tổ chức liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm hơn ¼ GDP của thế giới.

Câu 45: Đáp án A

Từ năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, kinh tế Tây Âu lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ngoài kinh tế phải trải qua các đợt suy thoái, khủng hoảng, lạm phát, các nước Tây Âu còn gặp nhiều trở ngại trong quá trình “nhất thể hóa” trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu

Câu 46: Đáp án B

Những cơ quan của EU bao gồm: Hội đồng châu Âu, Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Tòa án châu Âu và một số ủy ban chuyên môn khác.

Câu 47: Đáp án B

Đồng tiền chung châu Âu được sử dụng thống nhất trong EU làm cho quá trình trao đổi, buôn bán giữa các nước được dễ dàng hơn. Từ đó, thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh hơn, bỏ qua rào cản về tiền tệ.

Câu 48: Đáp án D

Nguyên nhân khách quan đưa đến sự phát triển của kinh tế Nhật Bản là nguồn viện trợ của Mỹ, bán vũ khí cho các bên tham chiến trong cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953) và Chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975) để làm giàu...

Câu 49: Đáp án B

Để phát triển khoa học – kĩ thuật, Nhật Bản đã mua bằng sáng chế phát minh. Tính đến năm 1968, Nhật Bản đã mua bằng sáng chế của nước ngoài trị giá tới 6 tỉ USD.

Câu 50: Đáp án B

Từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường về kinh tế.

Mức độ 3: Vận dụng – Vận dụng cao

Câu 1: Từ năm 1945 đến đầu những năm 70, chính sách đối nội nhất quán của chính quyền Mỹ là

- A. phân biệt, đối xử với người nước ngoài đến Mỹ nhập cư.
- B. ngăn chặn các tổ chức độc quyền lũng đoạn kinh tế Mỹ.
- C. cấm nhân dân biểu tình chống chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam.

D. ngăn chặn, đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân và các lực lượng tiến bộ.

Câu 2: Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

A. không chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ

B. chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới

C. can thiệp vào công việc nội bộ các nước, sau đó tiến hành chiến tranh xâm lược

D. triển khai kế hoạch toàn cầu, thiết lập trật tự đơn cực với tham vọng làm bá chủ thế giới

Câu 3: Tổng thống thứ 45 của nước Mỹ là ai?

A. Ru-dơ-ven

B. Clin-ten.

C. Ô-ba-ma.

D. Donald

Trump.

Câu 4: Chiến lược “ngăn chặn” do ai đề ra ?

A. Tổng thống Rudoven.

B. Tổng thống Truman.

C. Tổng thống Bill Clinton

D. Tổng thống Níchxơn

Câu 5: Nguyên nhân dẫn đến việc chính sách đối ngoại của Mỹ bị thất bại ở nhiều nơi sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. một mình Mỹ không thể thực hiện chiến lược toàn cầu

B. các đồng minh của Mỹ là Nhật, Tây Âu không thống nhất mục tiêu trong chính sách đối ngoại

C. xu thế tất yếu của thời đại, phong trào giải phóng dân tộc sau thế chiến thứ 2 dâng cao

D. sự lớn mạnh của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, sự sai lầm trong chính sách đối ngoại, sự giúp đỡ các nước XHCN và các lực lượng tiến bộ

Câu 6: Cho các sự kiện sau:

1. Sáu nước Tây Âu thành lập “Cộng đồng than thép Châu Âu”
2. Thành lập “Cộng đồng châu Âu” (EC)
3. Thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế Châu Âu”

Hãy sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự thời gian

A. 2,3,1

B. 1,2,3

C. 1,3,2

D. 3,2,1

Câu 7: “Kế hoạch Macsan” mà Mỹ thực hiện ở Tây Âu năm 1947 còn được gọi là

A. kế hoạch khôi phục kinh tế

B. kế hoạch chinh phục Châu Âu

C. kế hoạch phục hưng Châu Âu

D. kế hoạch phục hưng liên minh Châu Âu

Câu 8: Ý nào không phải là nét tương đồng về sự hình thành và phát triển của liên minh châu Âu (EU) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Thành lập sau khi đã hoàn thành khôi phục kinh tế, trở thành những quốc gia độc lập, tự chủ, có nhu cầu liên minh, hợp tác.

B. Mục tiêu thành lập ban đầu là trở thành một liên minh quân sự, chính trị để thoát khỏi bị

chi phối, ảnh hưởng từ các cường quốc bên ngoài.

C. Ban đầu khi mới hình thành chỉ có vài nước thành viên, về sau mở rộng ra nhiều nước.

D. Từ thập kỉ 90 của thế kỉ XX, trở thành khu vực năng động, có địa vị quốc tế cao.

Câu 9: Đến năm 2007 EU có bao nhiêu nước thành viên?

A. 10 nước

B. 25 nước

C. 27 nước

D. 29 nước

Câu 10: Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là gì ?

A. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.

B. Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á.

C. Mở rộng quan hệ hợp tác trên thế giới.

D. Liên minh với Mỹ và Liên Xô.

Câu 11: Nội dung nào sau đây thể hiện sự khác biệt trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong giai đoạn 1991 – 2000 so với các giai đoạn trước

A. thận trọng đặt quan hệ với các nước Đông Nam Á

B. coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu

C. coi trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á

D. liên minh chặt chẽ với Mỹ

Câu 12: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản giai đoạn từ 1960 đến 1973 là

A. Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.

B. Áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật.

C. Con người được coi là vốn quý nhất.

D. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước

Câu 13: Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học-kĩ thuật.

C. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.

D. Phát huy truyền thống tư lực tư cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 14: Đặc điểm nổi bật nhất trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là

A. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô

B. Chú trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á

C. Coi trọng quan hệ với Tây Âu

D. Chủ trương liên minh chặt chẽ với Mỹ

Câu 15: Nguyên nhân chung thúc đẩy kinh tế Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Điều có lãnh thổ rộng lớn và tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. Điều coi giáo dục là nhân tố chìa khóa cho sự phát triển.
- C. Vai trò quản lí và điều tiết hợp lí, có hiệu quả của nhà nước.
- D. Điều lợi dụng chiến tranh để làm giàu.

Câu 16: Điểm giống nhau cơ bản về kinh tế của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản từ những năm 70 đến năm 2000 là gì?

- A. Điều chịu sự cạnh tranh của các nước XHCN.
- B. Điều là siêu cường kinh tế của thế giới.
- C. Điều không chịu tác động của khủng hoảng kinh tế.
- D. Điều là trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

Câu 17: Ý nào sau đây không phải là kinh nghiệm được rút ra từ sự phát triển kinh tế của các nước tư bản sau chiến tranh thế giới thứ hai nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Việt Nam hiện nay?

- A. Tăng cường xuất khẩu công nghiệp phần mềm
- B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động
- C. Ứng dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật
- D. Khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên

Câu 18: Điểm giống nhau giữa Nhật Bản và bốn “con rồng” kinh tế của châu Á là

- A. đều đẩy mạnh cải cách dân chủ, cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế.
- B. không tham gia vào nhóm G7 và G8.
- C. không chi nhiều tiền của cho quốc phòng, an ninh
- D. không tham gia bất kì liên minh chính trị, quân sự nào.

Câu 19: ASEAN có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì từ hiệu ứng “Brexít” ở châu Âu?

- A. Tăng cường đoàn kết nội khối.
- B. Đề ra đường lối đối ngoại đúng đắn.
- C. Sử dụng khẩu hiệu “thúc đẩy dân chủ”.
- D. Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới.

Câu 20: Nhận định nào sau đây không đúng về tình hình Nhật Bản trong giai đoạn 1973 – 1991?

- A. Đưa ra học thuyết Phucurđa và học thuyết Kaiphu tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN.
- B. Đưa ra học thuyết Miyadaoa và Học thuyết Hasimôtô tuyên bố khẳng định kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật.
- C. Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật bắt đầu đưa ra chính sách đối ngoại mới.
- D. Nhật sớm thoát khỏi khủng hoảng và vươn lên thành siêu cường tài chính số 1 thế giới từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 21: Nguyên nhân nào dưới đây là cơ bản nhất đưa nền kinh tế của Mỹ phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Dựa vào những thành tựu khoa học - kĩ thuật của thế giới.

- B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.
- D. Nhờ quân sự hoá nền kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

Câu 22: Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Vị trí kinh tế của Mỹ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.
- B. Mỹ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.
- C. Kinh tế phát triển nhanh, nhưng không ổn định vì thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.
- D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

Câu 23: Thất bại nặng nề nhất của Mỹ trong quá trình thực hiện "chiến lược toàn cầu" quy định bởi

- A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
- B. Thắng lợi của cách mạng Cu - ba năm 1959.
- C. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I - ran năm 1979.
- D. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

Câu 24: Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mỹ là gì?

- A. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".
- B. "Chiến lược toàn cầu".
- C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ.
- D. "Chiến lược lấp chỗ trống".

Câu 25: "Chính sách thực lực" của Mỹ là gì?

- | | |
|--|-----------------------------------|
| A. Chính sách xâm lược thuộc địa. | B. Chạy đua vũ trang với Liên Xô. |
| C. Chính sách dựa vào sức mạnh của Mỹ. | D. Thành lập các khối quân sự. |

Câu 26: Nước nào dưới đây được đánh giá là một nước có đường lối ngoại giao thân Mỹ "*như hình với bóng*"?

- | | | | |
|--------|---------|----------------|--------|
| A. Đức | B. Pháp | C. Tây Ban Nha | D. Anh |
|--------|---------|----------------|--------|

Câu 27: Giai đoạn 1945 - 1950, tình hình Nhật Bản và các nước Tây Âu có gì đặc biệt?

- A. Bị chiến tranh tàn phá, kinh tế suy sụp nghiêm trọng
- B. Nền kinh tế các nước phát triển chậm chạp, khủng hoảng kinh tế kéo dài.
- C. Dựa vào viện trợ của Mỹ, các nước dần phục hồi nền kinh tế ngang bằng trước chiến tranh.
- D. Nền kinh tế bước vào thời kì phục hưng mạnh mẽ nhất.

Câu 28: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân chủ yếu nào khiến Nhật Bản thực hiện chính sách đối ngoại "liên Mỹ"?

- | | |
|---|---|
| A. Tiếp tục giảm chi phí quốc phòng | B. Đảm bảo lợi ích quốc gia của Nhật Bản. |
| C. giúp Mỹ thực hiện Chiến lược toàn cầu. | D. Để tiếp tục nhận viện trợ của Mỹ. |

Câu 29: Điểm khác biệt trong chính sách đối ngoại của Tây Âu và Nhật với Mỹ là

- A. đều liên minh chặt chẽ với Mỹ nhưng Nhật cạnh tranh gay gắt với Mỹ

- B.** Nhật liên minh với cả Mĩ và Liên Xô còn Tây Âu chỉ liên minh với Mĩ.
C. Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ còn Nhật tìm cách thoát dần ảnh hưởng của Mĩ.
D. Nhật liên minh chặt chẽ với Mĩ còn nhiều nước Tây Âu tìm cách thoát khỏi ảnh hưởng của Mĩ.

Câu 30: Cho các dữ liệu sau:

1. Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
2. Sau hơn một thập kỉ suy thoái, kinh tế các nước đã phục hồi và phát triển trở lại.
3. Tây Âu đẩy mạnh khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh.
4. Giống như Mĩ và Nhật Bản, Tây Âu lâm vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng kéo dài. Hãy sắp xếp các dữ kiện theo thứ tự thời gian các giai đoạn phát triển của Tây Âu sau năm 1945.

- A.** 3,1,4,2. **B.** 1,3,4,2. **C.** 1,2,4,3. **D.** 4,1,3,2.

ĐÁP ÁN

1-C	2-D	3-D	4-B	5-D	6-C	7-C	8-B	9-C	10-A
11-B	12-C	13-B	14-D	15-C	16-D	17-A	18-A	19-A	20-B
21-A	22-C	23-D	24-B	25-C	26-D	27-C	28-B	29-D	30-A

LỜI GIẢI CHI TIẾT Câu 1: Đáp án C

Trong cuộc chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam, đây là cuộc chiến tranh của một bộ phận phản động, hiếu chiến trong đất nước Mĩ. Nhân dân từ năm 1945 đến những năm 70 đã nhiều lần biểu tình chống chiến tranh Việt Nam.

- Đỉnh cao phong trào vào những năm sau năm 1967, chỉ tính riêng ở San Francisco trong tháng 10 năm 1967 đã có 300 thanh niên đốt thẻ quân dịch.

Khi cuộc biểu tình xảy ra trước Lầu Năm Góc thì có một bao tải thẻ được chuyển đến Tòa án liên bang để xem xét.

- Chỉ trong tháng 5 năm 1969 tại bang Ca-li-phooc-ni-a đã có 4.400 người chống quân dịch. Lúc đầu phong trào này chỉ xuất hiện ở bộ phận lính nghĩa vụ, sau lan truyền cả sang bộ phận lính tình nguyện.

Khi cuộc chiến tranh Việt Nam lên đến đỉnh cao, Nhà Trắng và Lầu Năm Góc bắt lính gắt gao, hàng vạn thanh niên đã trốn ra nước ngoài hoặc lưu thân trong các nhà thờ để tránh nhập ngũ. - Riêng năm 1967 đã có khoảng 47.000 thanh niên trốn lính, lúc cuộc chiến tranh này lan rộng ra cả Đông Dương thì con số này là 89.000 người.

- Trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, các phong trào đấu tranh của nhân dân Mỹ đó được coi là cuộc chiến tranh để chấm dứt chiến tranh, một cuộc chiến tranh chưa từng có trong lịch sử nhân loại, thể hiện khát vọng hòa bình của nhân dân tiến bộ Mỹ cũng như nhân dân các nước trên thế giới

Câu 2: Đáp án D *Chính sách đối ngoại của Mỹ qua các đời Tổng thống

- Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.
 - Khởi xướng cuộc “*Chiến tranh lạnh*”, trực tiếp hay gián tiếp gay ra và ủng hộ hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược và bạo loạn.
 - Từ năm 1972, Mỹ đã thực hiện chính sách “*hòa hoãn*” với Trung Quốc, Liên Xô. Sau thất bại ở Việt Nam, Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện “*Chiến lược toàn cầu*” đối đầu với Liên Xô.
 - Từ giữa những năm 80, xu hướng đối thoại hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế. Cuối năm 1989, Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt “*Chiến tranh lạnh*”.
 - Trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX. Mỹ thực hiện chiến lược: “*Cam kết và mở rộng*” dưới đời tổng thống B. Clinton với ba mục tiêu cơ bản: bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự hùng mạnh để sẵn sàng chiến đấu; tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ, sử dụng khẩu hiệu “*Thúc đẩy dân chủ*” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.
 - Từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1989) và trật tự Ianta tan rã (1991), Mỹ đang thiết lập một trật tự thế giới “*đơn cực*” chi phối và lãnh đạo toàn thế giới.
- * **Xét về mặt bản chất, mục tiêu** của chiến lược “*Cam kết và mở rộng*” giống mục tiêu của “*Chiến lược toàn cầu*” ở chỗ, đều thể hiện và thực hiện cho tham vọng vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới của Mỹ. Nói một cách khác, chiến lược “*Cam kết và mở rộng*” vẫn là sự tiếp tục triển khai “*Chiến lược toàn cầu*” trong bối cảnh lịch sử mới.
- => *Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Mỹ từ sau năm 1945 đến năm 2000 là thực hiện chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới.*

Câu 3: Đáp án D

Tổng thống thứ 45 của nước Mỹ là Donald Trump (sinh năm 1946). Trước đó, ông nổi tiếng với vai trò là một tỷ phú, doanh nhân, nhà sản xuất chương trình truyền hình.

Là chủ tịch kiêm tổng giám đốc của The Trump Organization, Trump cũng đồng thời là người sáng lập Trump Entertainment Resorts. Ông nổi tiếng trên toàn nước Mỹ nhờ sự nghiệp, nỗ lực gây dựng thương hiệu, đời sống cá nhân, sự giàu có và bản tính thẳng thắn của mình. Ngày 9 tháng 11 năm 2016, trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ 2016, ông đã chiến thắng ứng cử viên Hillary Clinton của Đảng Dân chủ để trở thành Tổng thống thứ 45 của Hoa Kỳ.

Câu 4: Đáp án B

Chính sách ngăn chặn mở đầu bằng chiến lược “*Ngăn chặn Chủ nghĩa cộng sản*” do Tổng thống Mỹ Truman đề ra. Ngày 12 tháng 3 năm 1947, Tổng thống Mỹ Truman đọc diễn văn trước Quốc hội Mỹ về chiến lược toàn cầu mới của Mỹ – chiến lược ngăn chặn, hay còn gọi là **Học thuyết Truman**. Tổng thống Truman đã công khai nêu lên “*sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản*”, giúp đỡ các dân tộc trên thế giới chống lại sự “đe dọa” của chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt là chống lại sự bành trướng của Liên Xô. Có thể coi, sự kiện này đã chính thức phát động cuộc **Chiến tranh Lạnh** nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Từ đây, mối quan hệ đồng minh giữa Liên Xô với Mỹ và các nước phương Tây trong thời kỳ chống

phát xít đã tan vỡ. Thay vào đó, hai bên bước vào cuộc “Chiến tranh Lạnh” với sự đối đầu mang đậm dấu ấn ý thức hệ, mở ra khuôn khổ định hình nền chính trị thế giới kéo dài hơn bốn thập kỷ. Chính sách ngăn chặn được Mỹ tiến hành từ thời Tổng thống Truman và được thay đổi theo so sánh lực lượng hai phía trong từng thời kỳ, với các chính sách – chiến lược: “**Trả đũa ồ ạt**” (1954), “**Bên miệng hố chiến tranh**” của Tổng thống Dwight D. Eisenhower (1956), “**Phản ứng linh hoạt**” của Tổng thống John F. Kennedy (1961), và các học thuyết mang tên các tổng thống Mỹ kế tiếp: Landon D. Johnson (1965), Richard M. Nixon (1969),... Nội dung chính của các chiến lược trên là “*Chống trả người Nga bằng sức mạnh thường xuyên ở bất cứ nơi nào họ mưu toan xâm phạm lợi ích của ổn định và hòa bình*”, giữ sự kiểm soát của họ trong các đường biên giới quân sự năm 1945, với hy vọng đến một lúc nào đó “*mâu thuẫn bên trong sẽ phá vỡ chế độ Xô Viết*”.

Câu 5: Đáp án D

Chính sách đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là thực hiện chiến lược toàn cầu. Khi thực hiện chiến lược này, Mỹ đã thành công khi làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Thất bại lớn nhất của Mỹ là không đàn áp được các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Thực tế, sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ Latinh phát triển mạnh mẽ, hầu hết các quốc gia đã giành được độc lập, một phần cũng là nhờ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ trên thế giới. **Câu 6: Đáp án C**

1. Sáu nước Tây Âu thành lập “Cộng đồng than thép Châu Âu”. (18-4-1951)
2. Thành lập “Cộng đồng châu Âu” (EC) (1-7-1967)
3. Thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế Châu Âu” (25-3-1957)

Chọn đáp án: C (1,3,2) Câu 7: Đáp án C

Kế hoạch Macsan là kế hoạch viện trợ về kinh tế của Mỹ cho các nước Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai nhằm giúp các nước này khôi phục nền kinh tế nên còn được gọi là kế hoạch phục hưng châu Âu.

Câu 8: Đáp án B

- **Đáp án A:** sau khi hoàn thành khôi phục kinh tế sau chiến tranh, các quốc gia Đông Nam Á cũng như các nước Tây Âu đều có nhu cầu liên minh hợp tác để giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển trên cơ sở có nền văn hóa tương đồng.
- **Đáp án B:** ASEAN là tổ chức hợp tác kinh tế - văn hóa, EU là tổ chức hợp tác về cả kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự.
- **Đáp án C:** ANSEAN ban đầu có 5 nước thành viên, EU ban đầu có 6 nước thành viên. Đây là con số tương đối nhiều, không phải chỉ có vài nước.
- Từ thập kỉ 90 hai tổ chức này mới hoàn thiện khi có thêm thành viên, phải đến giai đoạn sau đó khi quá trình mở rộng thành viên được hoàn thành thì hai tổ chức này mới có địa vị quốc tế cao.

Câu 9: Đáp án C

Cho đến năm 2007, EU có tất cả là 27 nước thành viên bao gồm: Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxăm-bua, Anh, Ai Len, Đan Mạch, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Áo, Thụy Điển, Phần Lan, Séc, Hung-ga-ri, Ba Lan, Slô-va-kia, Slô-ve-nia, Lit-va, Lát-vi-a, Exô-rô-nia, Man-ta, Síp, Bun-ga-ri và Ru-ma-ni.

Câu 10: Đáp án A

Ngày 8-9-1951, Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật được kí kết, đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa hai nước. Theo đó, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới chiếc ô bảo hộ hạt nhân của Mỹ, để cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.

Cho đến giai đoạn 1991-2000, hai nước tuyên bố khẳng định lại việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật. Qua các giai đoạn phát triển, Nhật Bản vẫn luôn liên minh chặt chẽ với Mỹ. Bên cạnh đó cũng coi trọng mở rộng quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN. **Câu 11: Đáp án B** - Đáp án A: không đúng.

- Đáp án B: Giai đoạn trước chưa đề cập đến vấn đề coi trọng quan hệ đối với các nước Tây Âu. - Đáp án C: năm 1973 đến 1991, Nhật Bản đã nhấn mạnh tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á. Thể hiện thông qua hai học thuyết Fukuda (1977) và

Kaifu (1991). Đến thời kì 1991 – 2000, Nhật Bản vẫn chú trọng quan hệ với các nước Đông Nam Á.

- Đáp án D: đây là chính sách đối ngoại của Nhật Bản xuyên suốt qua các thời kì. **Câu 12:**

Đáp án C

Nếu như đối với sự phát triển kinh tế của Mỹ thì Khoa học – kĩ thuật là nguyên nhân quan trọng nhất vì Mỹ là quốc gia đi đầu trong cuộc cách mạng Khoa học – kĩ thuật lần 2, đạt nhiều thành tựu nổi bật. Tuy nhiên, đối với Nhật Bản lại khác, một đất nước thất bại trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai nên phải gánh chịu hậu quả nặng nề; tài nguyên thiên nhiên lại nghèo nàn, cơ cấu kinh tế chưa cân đối và sự cạnh tranh quyết liệt của các nước tư bản. Chính vì thế, sức mạnh của con người Nhật Bản đóng vai trò quan trọng nhất dẫn tới sự phát triển thần kì của đất nước này ở giai đoạn 1960 – 1973.

Câu 13: Đáp án B

Đối với các nước phát triển, trong quá trình phát triển kinh tế luôn chú trọng tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học – kĩ thuật. Nhật Bản trong giai đoạn phát triển “*thần kì*” (1960 – 1973) cũng vậy. Nhật Bản luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua bằng phát minh sáng chế. Tính đến năm 1968, Nhật Bản đã mua bằng sáng chế phát minh của nước ngoài trị giá tới 6 tỉ USD.

Câu 14: Đáp án D

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, do là nước bại trận, Nhật hoàn toàn dựa vào Mỹ về mặt chính trị và quân sự.

+ Nhật Bản chủ trương liên kết chặt chẽ với Mỹ, Nhật kí kết Hiệp ước hòa bình San Francisco (9 – 1951) và kết thúc chế độ chiếm đóng của quân đội Đồng minh vào năm 1952.

+ Ngày 8 – 9 – 1951, kí kết Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật, đặt nền tảng cho quan hệ hai nước. Với hiệp ước này, Nhật trở thành căn cứ chiến lược của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương, chống các nước chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc.

- Từ năm 1952 đến năm 1973: Nhật liên minh chặt chẽ với Mỹ. Năm 1956, bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và cũng trong năm này là thành viên của Liên hợp quốc.

Chính phủ Nhật đứng về phía Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

- Từ nửa sau những năm 70: với sức mạnh kinh tế – tài chính ngày càng lớn, Nhật Bản cố gắng đưa ra chính sách đối ngoại riêng của mình. Sự ra đời của “Học thuyết Phucưđa” được coi như là sự “trở về” châu Á của Nhật, trong khi vẫn coi trọng quan hệ Nhật – Mỹ, Nhật – Tây Âu. “*Học thuyết Kaiphu*” được đưa ra năm 1991 là sự phát triển của “*Học thuyết Phucưđa*” trong thời đại mới. Nội dung chính của học thuyết Phucưđa là củng cố mối quan hệ với các nước Đông Nam Á trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và là bạn hàng bình đẳng với các nước ASEAN.

Câu 15: Đáp án C

Những nguyên nhân chung đưa đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai bao gồm:

- Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
- Vai trò quản lý và điều tiết có hiệu quả của nhà nước.
- Trình độ tập trung tư bản và tập trung sản xuất cao nên có sức sản xuất và cạnh tranh lớn.

Câu 16: Đáp án D

- Mỹ khoảng 20 năm sau chiến tranh thế giới thứ hai trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- Nhật Bản, Tây Âu từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

=> Điểm giống nhau cơ bản về kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản từ đầu những năm 70 đến năm 2000 là đều là trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

Câu 17: Đáp án A

Việc tăng cường xuất khẩu công nghệ phần mềm không phải quốc gia nào cũng có thể áp dụng được. Hơn nữa, với trình độ đang phát triển như Việt Nam thì trước tiên cần học hỏi trình độ khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động trước. Xuất khẩu phần mềm được còn là một quá trình lâu dài nữa. Hiện nay, tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam giàu có nhưng chưa được khai thác và sử dụng hợp lý, nhiều tài nguyên còn xuất khẩu thô, Vì vậy, yêu cầu đặt ra là cần khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên để làm cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế.

Câu 18: Đáp án A

- **Đáp án A:** Bốn con rồng kinh tế của châu Á bao gồm: Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Singapo.

Các nước này đều đẩy mạnh các cải cách dân chủ, mở cửa hội nhập quốc tế để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật, học hỏi kinh nghiệm quản lý, đào tạo nhân lực,... Các chính sách kinh tế của Nhật Bản cũng cải cách mở cửa và tăng cường quan hệ với nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó chú trọng là Mỹ, Đông Nam Á và Tây Âu. - **Đáp án B:** Nhật có tham gia G7 và G8 nhưng 4 con rồng kinh tế châu Á lại không - **Đáp án C:** chỉ có Nhật Bản là không chi nhiều tiền chi quốc phòng và an ninh.

- **Đáp án D:** Singapro tham gia liên minh quốc tế chống IS.

Câu 19: Đáp án A

Với Liên minh châu Âu (EU), “Brexit” được coi là một thảm họa. Các quốc gia trong EU hiểu rằng, họ mạnh hơn rất nhiều khi liên kết chặt chẽ với nhau, có chung thị trường, nhiều định chế và đồng tiền euro. Vì thế, EU đã kỳ vọng có thể tiến lên từ một khối kinh tế khổng lồ sánh ngang với Mỹ và gần đây là Trung Quốc. Nhưng không phải không có câu hỏi đặt ra: Ai sẽ mạo hiểm đi theo con đường của nước Anh? Hung-ga-ri, Ba Lan, Hy Lạp hay Hà Lan? Mỗi nước đều có sự tính toán thận trọng với lợi ích, quyền lợi quốc gia của mình. Song, rõ ràng là Brexit đã làm cho EU suy yếu, mất mát lớn cả về kinh tế, chính trị, an ninh và đứng trước nguy cơ khủng hoảng trầm trọng, có thể tan rã, hoặc chí ít đã tác động tiêu cực đến lập trường, quan điểm về một EU thống nhất trong đa dạng. Nước Anh ra đi, EU mất 10% dân số, một nền kinh tế lớn thứ hai sau Đức, một cường quốc hạt nhân nắm ghế thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, một đồng minh thân thiết của Mỹ. Hơn thế, EU mất đi vị thế, uy tín, sự đoàn kết, ... Khẩu hiệu của EU là thống nhất trong đa dạng, nay đa dạng thì vẫn còn, nhưng thống nhất đã rạn nứt nghiêm trọng. “Brexit” diễn ra trong bối cảnh EU đang đối mặt với các cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị và nhiều vấn đề khác, như: khủng hoảng tài chính ở Hy Lạp, làn sóng người nhập cư, chủ nghĩa khủng bố, quan hệ với Nga,... Brexit làm cho các vấn đề này càng thêm trầm trọng, hiệu ứng Domino trung cầu dân ý tách khỏi EU ở các nước tiếp theo không phải là xa vời. Đặc biệt ở Thụy Điển, Phần Lan, Hà Lan, thậm chí cả Pháp, I-ta-li-a,... Ở các quốc gia này đang nổi lên một số đảng phái, tổ chức chính trị - xã hội theo tư tưởng cực hữu, dân tộc chủ nghĩa, bài ngoại, chống: chính sách nhập cư, Hồi giáo và việc ở lại EU.

=> *Bài học đặt ra cho tổ chức ASEAN là cần tăng cường đoàn kết nội khối để giải quyết các vấn đề mang tính khu vực.* **Câu 20: Đáp án B**

Học thuyết Miyadao và học thuyết Hasimôtô thể hiện Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu, mở rộng quan hệ đối tác trên phạm vi toàn cầu và chú trọng phát triển mối quan hệ với các nước Đông Nam Á.

Câu 21: Đáp án A

Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Đây chính là nguyên nhân chính giúp kinh tế nước Mỹ phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới thứ 2. Để 20 năm sau chiến tranh thế giới thứ 2 Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới. Nhờ áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật đã giúp Mỹ tăng năng suất và chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất.

Câu 22: Đáp án C

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng nhất là giai đoạn 20 năm đầu sau chiến tranh, Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 1973 – 1991, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng trên thế giới, kinh tế Mỹ bước vào giai đoạn khủng hoảng kéo dài đến năm 1982. Từ năm 1983, kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại, tuy vẫn đứng đầu thế giới nhưng tỉ trọng giảm sút nhiều so với trước. Từ năm 1991 – 2000, kinh tế Mỹ trải qua những đợt suy thoái ngắn những vẫn đứng đầu thế giới.

Câu 23: Đáp án D

Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất thể hiện mâu thuẫn giữa các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh lạnh. Trong chiến lược toàn cầu có ba mục tiêu quan trọng trong đó có 2 mục tiêu liên quan đến Việt Nam:

- Ngăn chặn tiến tới hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Việt Nam là một quốc gia theo chế độ xã hội chủ nghĩa đã chiến thắng đế quốc Mỹ và tay sai, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước. Đây là thắng lợi to lớn, có ý nghĩa quốc tế quan trọng và có tính thời đại sâu sắc.
- Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, âm mưu của Mỹ là thực hiện đặt quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và hòa hoãn với Liên Xô để cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta nhưng bất thành.

Mỹ phải kí Hiệp định Pari và rút quân về nước.

=> *Thất bại nặng nề nhất của Mỹ trong quá trình thực hiện “Chiến lược toàn cầu” là thất bại trong chiến tranh Việt Nam.*

Câu 24: Đáp án B

Các đời tổng thống Mỹ đều thực hiện chính sách đối ngoại xuyên suốt là thực hiện “Chiến lược toàn cầu”. Xét về mặt bản chất, mục tiêu của chiến lược “*Cam kết và mở rộng*” giống mục tiêu của “*Chiến lược toàn cầu*” ở chỗ, đều thể hiện và thực hiện cho tham vọng vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới của Mỹ. Nói một cách khác, chiến lược “Cam kết và mở rộng” là một hình thức thực hiện tiếp tục “Chiến lược toàn cầu” trong tình hình mới.

Câu 25: Đáp án C

Mặc dù mang tên gọi khác nhau, đường lối có thể cứng rắn hoặc ôn hoà khác nhau, và các biện pháp cụ thể cũng có nhiều nội dung khác nhau, nhưng “Chiến lược toàn cầu” của Mỹ trước sau đều nhất quán 3 mục tiêu (sgk trang 44)

Đối với bất kì học thuyết hoặc đường lối của tổng thống nào là đi nữa, để đạt ba mục tiêu trên, chính sách cơ bản của Mỹ là “**chính sách thực lực**” (tức chính sách dựa vào sức mạnh Mỹ). Từ sau chiến tranh thế giới đến nay, để thực hiện “*chiến lược toàn cầu*” của mình, Mỹ đã thành lập các khối quân sự NATO, SEATO, ANZUS, CENTO... ra sức chạy đua vũ trang kể cả các vùng vũ khí hạt nhân chiến lược, và phát động hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược hoặc can thiệp vũ trang ở khắp các khu vực trên toàn thế giới.

Câu 26: Đáp án D

- Từ năm 1945 đến năm 1950, Anh liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- Từ năm 1950 đến năm 1973, nếu như Pháp rút khỏi NATO thì Anh vẫn nằm trong bộ chỉ huy của tổ chức này.
- Từ năm 1991 đến năm 2000, nếu Pháp và Đức trở thành đối trọng của Mỹ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng thì Anh vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ.

=> Anh được đánh giá là một nước có đường lối ngoại giao thân Mỹ “như hình với bóng”.

Câu 27: Đáp án C

- (*sgk trang 53*) **Nhật Bản**: sau chiến tranh thế giới thứ hai gặp nhiều khó khăn và chịu sự chiếm đóng của quân đội đồng minh của Mỹ. Tuy nhiên, với sự viện trợ của Mỹ, đến khoảng năm 1950 – 1951, Nhật Bản đã khôi phục kinh tế đạt mức trước chiến tranh.

- (sgk trang 47) **Tây Âu:** cũng giống như Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhưng với sự viện trợ của Mỹ theo kế hoạch Mácsan tình hình Tây Âu về cơ bản được ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu vừa mới hình thành.
- => Từ năm 1945 đến năm 1950, Nhật Bản và Tây Âu đều dựa vào sự viện trợ của Mỹ và dần phục hồi nền kinh tế ngang bằng trước chiến tranh.

Câu 28: Đáp án B

Chính sách ngoại giao của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai có đặc điểm nổi bật là: liên minh chặt chẽ với Mỹ. Sở dĩ như vậy vì Nhật Bản là một nước phát xít thua trận, gánh chịu hậu quả hết sức nặng nề. Nhật Bản lại mất hết thuộc địa và chịu sự chiếm đóng của quân đồng minh. Nhật Bản liên minh chặt chẽ với Mỹ đem đến nhiều lợi ích cho quốc gia: được nhận viện trợ về kinh tế để phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh, chi phí cho quốc phòng thấp,....

=> Nguyên nhân chủ yếu Nhật bản thực hiện chính sách đối ngoại “liên Mỹ” là để đảm bảo lợi ích quốc gia của Nhật Bản.

Câu 29: Đáp án D

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản và các nước Tây Âu đều chịu thiệt hại nặng nề và đều nhận được viện trợ từ Mỹ. Đối với Tây Âu, Mỹ viện trợ cho các nước này theo kế hoạch Mácsan. Đối với Nhật Bản là thực hiện các cải cách về hiến pháp, các cải cách dân chủ về lao động.

Ở giai đoạn đầu Nhật Bản và Tây Âu đều liên minh chặt chẽ với Mỹ. Tuy nhiên, đến giai đoạn sau nhất là từ năm 1991 đến năm 2000, chính sách đối với Mỹ của Nhật Bản và Tây Âu lại khác nhau:

- Nhật Bản vẫn tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ (Sgk trang 57). Tháng 4 – 1996, Mỹ và Nhật Bản ra tuyên bố khẳng định lại việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật.
- Tây Âu: (Sgk trang 50) Anh vẫn liên minh chặt chẽ với Mỹ, Pháp và Đức đã trở thành những đối trọng của Mỹ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng.

=> Như vậy, điểm khác nhau trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với Tây Âu là: Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mỹ còn nhiều nước Tây Âu tìm cách thoát khỏi ảnh hưởng của Mỹ.

Câu 30: Đáp án A

- 1) Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. (1950 - 1973)
- 2) Sau hơn một thập kỉ suy thoái, kinh tế các nước đã phục hồi và phát triển trở lại. (1991 – 2000)
- 3) Tây Âu đẩy mạnh khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh. (1945 – 1950)
- 4) Giống như Mỹ và Nhật Bản, Tây Âu lâm vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng kéo dài. (1973 – 1991).

Chọn đáp án: A (3,1,4,2).